

BỘ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 86 /1998/QĐ-BCN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP
Về việc chuyển Xí nghiệp Xây lắp Điện (Thuộc Công
ty Điện lực 2) thành Công ty cổ phần Xây lắp Điện

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

- Căn cứ Nghị định số 74/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công nghiệp;

- Căn cứ Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1998 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần;

- Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 18 tháng 12 năm 1998 của Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án chuyển Xí nghiệp Xây lắp Điện thành Công ty cổ phần Xây lắp Điện;

- Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, (Công văn số 406 ĐVN/HĐQT/TCCB-LĐ ngày 29 tháng 12 năm 1998), Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Bộ Công nghiệp và Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Phương án cổ phần hoá Xí nghiệp Xây lắp Điện (Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Điện lực 2 - Doanh nghiệp thành viên Tổng Công ty Điện lực Việt Nam), gồm có:

1) Cơ cấu vốn Điều lệ:

- Vốn Điều lệ Công ty cổ phần là: 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng Việt Nam), trong đó:

+ Tỷ lệ cổ phần Nhà nước: 20% vốn điều lệ,

+ Tỷ lệ cổ phần bán cho người lao động trong doanh nghiệp: 70 % vốn điều lệ,

+ Tỷ lệ cổ phần bán cho các đối tượng ngoài doanh nghiệp: 10 % vốn điều lệ.

2) Giá trị của Xí nghiệp Xây lắp Điện (theo Quyết định số 362/ĐVN/HĐQT -TCKT ngày 19 tháng 11 năm 1998 của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam về xác định giá trị Xí nghiệp Xây lắp Điện tại thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 07 năm 1998 để cổ phần hoá):

- Giá trị thực tế doanh nghiệp: 18.244.738.427 đồng;
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: 4.603.831.729 đồng.

3) Ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp:

- Tổng số cổ phần được mua theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp là 21.144 cổ phần (gồm 142 người); giá trị được hưởng theo giá ưu đãi là 634.320.000 đồng; trong đó, tổng số cổ phần mua theo giá ưu đãi cho người lao động nghèo trong doanh nghiệp được trả dần: 3.520 cổ phần, phần giá trị được hưởng theo giá ưu đãi : 105.6000. 000 đồng.

Điều 2. Chuyển Xí nghiệp Xây lắp Điện (đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Điện lực 2 - Doanh nghiệp thành viên Tổng Công ty Điện lực Việt Nam thành Công ty cổ phần Xây lắp Điện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1999.

- Tên gọi bằng tiếng Việt Nam : Công ty cổ phần Xây lắp Điện,
- Tên giao dịch quốc tế: ELECTRICITY CONSTRUCTION COMPANY, viết tắt là : ECC.

- Trụ sở đặt tại : 16 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Công ty cổ phần Xây lắp Điện kinh doanh ngành nghề :

- Xây lắp đường giây tải điện từ 220 KV trở xuống và trạm biến áp từ 110KV trở xuống,
- Sản xuất trụ bê tông ly tâm,
- Sản xuất, chế tạo cơ khí, sửa chữa thiết bị điện, sửa chữa ô tô và các phương tiện cơ giới,
- Tư vấn và thiết kế điện từ 35KV trở xuống.
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành điện.

Điều 4. Công ty cổ phần Xây lắp Điện là pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp đăng ký kinh doanh, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Hoạt động theo Điều lệ của Công ty cổ phần và Luật Công ty.

Điều 5. Tổng Công ty Điện lực Việt Nam và Công ty Điện lực 2 có trách nhiệm chỉ đạo Xí nghiệp Xây lắp Điện tổ chức Đại hội Cổ đông lần thứ nhất (bầu Hội đồng Quản trị , Ban Kiểm soát, thông qua Điều lệ Công ty cổ phần)

Giám đốc và Kế toán trưởng Xí nghiệp Xây lắp Điện có trách nhiệm điều hành công việc quản lý cho đến khi bàn giao toàn bộ doanh nghiệp cho Hội đồng Quản trị và Giám đốc Công ty cổ phần Xây lắp Điện.

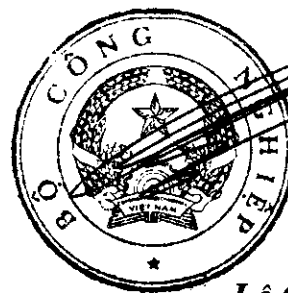
Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 7. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng chuyên ngành thuộc Bộ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam và Xí nghiệp Xây lắp Điện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / phds

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như điều 7,
- Ban ĐMQLDNTW,
- Bộ Tài chính,
- Bộ KHĐT,
- Ngân hàng Nhà nước VN,
- Kho bạc NN,-
- Tổng CụcQLV&TSNN tại DN,
- UBND TP Hồ Chí Minh,
- Cục QLV & TSNN tại DN TPHCM
- Ngân hàng, Kho bạc NN TPHCM,
- Các Sở: Tài chính, KHĐT, Công an
Tp Hồ Chí Minh,
- Công đoàn Công nghiệp VN,
- CTy Cổ phần Xây lắp Điện,
- Ban Đổi mới QLDN Bộ Công nghiệp,
- Công báo,
- Lưu VP, TCCB. UV M.K



Lê Quốc Khánh

BỘ CÔNG NGHIỆP

Ban đổi mới QLDN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH
Phương án chuyển Xí nghiệp Xây lắp Điện
thành Công ty cổ phần Xây lắp Điện

Hôm nay, ngày 18-12-1998 tại Bộ Công nghiệp, Ban đổi mới quản lý doanh nghiệp Bộ Công nghiệp tiến hành họp thẩm định phương án chuyển Xí nghiệp Xây lắp Điện thành Công ty cổ phần Xây lắp Điện

Chủ trì cuộc họp: đồng chí Lê Quốc Khánh Thứ trưởng Bộ Công nghiệp, trưởng ban Ban đổi mới quản lý doanh nghiệp Bộ Công nghiệp.

Tham dự có các thành phần sau đây:

- Thành viên Ban đổi mới quản lý doanh nghiệp Bộ Công nghiệp
Đồng chí Đỗ Văn Hy Vụ trưởng Vụ TCKT, phó trưởng ban.
Đồng chí Trần Trung Nghĩa Vụ trưởng Vụ TCCB, uỷ viên.
Đồng chí Phạm Viết Muôn Viện trưởng Viện NCCL&CSCN, uỷ viên.
Đồng chí Vũ Tiến Sáu Chủ tịch Công đoàn ngành công nghiệp, uỷ viên.
Cùng một số chuyên viên các Vụ TCKT, TCCB, KHĐT, PC.

- Đại diện Tổng Công ty Điện lực Việt nam
Đồng chí Đinh Quang Tri Phó Tổng giám đốc
Đồng chí Hoàng Văn Ninh phó ban Tài chính kế toán
Đồng chí Lê Thị Minh Thư chuyên viên

- Đại diện Công ty Điện lực 2
Đồng chí Nguyễn Văn Hợp trưởng phòng Tổ chức lao động
Đồng chí Nguyễn Hữu Phương phó trưởng phòng Tài chính kế toán

- Đại diện Xí nghiệp Xây lắp Điện
Đồng chí Phạm Minh Tiến phó giám đốc
Đồng chí Phạm Đình Lâm trưởng phòng Tổ chức lao động

Đồng chí Nguyễn Văn Hợp trình bày phương án: Xí nghiệp Xây lắp Điện xây dựng phương án cổ phần hoá theo Nghị định 44/1998/NĐ-CP; Tổng Công ty Điện lực Việt nam có công văn số 406/ĐVNTCCB-LĐ ngày 29-12-1998 đề nghị Bộ Công nghiệp phê duyệt phương án để chuyển Xí nghiệp Xây lắp Điện thành Công ty cổ phần Xây lắp Điện và triển khai các bước công việc tiếp theo.

Sau khi nghe báo cáo các đại biểu tham gia hội nghị đã trao đổi và thống nhất ý kiến, đã được đồng chí Thứ trưởng Lê Quốc Khánh chủ trì hội nghị kết luận như sau:

I/ Phê duyệt phương án với các nội dung sau:

1/ Chuyển Xí nghiệp Xây lắp Điện (một bộ phận của Công ty Điện lực 2, đơn vị thành viên Tổng Công ty Điện lực Việt nam) thành Công ty cổ phần Xây lắp Điện từ ngày 01-01-1999.

Tên giao dịch quốc tế: Electricity Construction Company

Tên giao dịch quốc tế viết tắt: ECC

Trụ sở: 16 Âu cơ, phường 14, quận Tân bình, thành phố Hồ Chí Minh

2/Công ty cổ phần Xây lắp Điện có chức năng nhiệm vụ chính:

- Xây lắp đường dây tải điện từ 220kV trở xuống và trạm biến áp từ 110kV trở xuống.

- Sản xuất trụ bê tông ly tâm.

- Sản xuất, chế tạo cơ khí, sửa chữa thiết bị điện, sửa chữa ô tô và các phương tiện cơ giới.

- Tư vấn và thiết kế điện từ 35kV trở xuống.

- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành điện.

3/ Giá trị Xí nghiệp Xây lắp Điện tại thời điểm 0 giờ ngày 01-7-1998 (theo quyết định số 362 ĐVN/HĐQT-TCKT ngày 19-11-1998 của Tổng Công ty Điện lực Việt nam):

- Giá trị thực tế của DN 18.244.738.427 đồng

Trong đó

- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại DN 4.603.831.729 đồng

4/ Tài sản không đưa vào cổ phần hoá

- TSCĐ không cần dùng 282.705.428 đồng

- TSCĐ chờ thanh lý 293.076.285 đồng

Công ty Điện lực 2 có trách nhiệm bảo quản, xử lý số tài sản này theo chế độ quy định.

4/ Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Xây lắp Điện 6.000 triệu đồng (sáu tỷ đồng)

5/ Tỷ lệ cổ phần của các cổ đông

Nhà nước	20%	vốn điều lệ
Người LĐ trong XN Xây lắp Điện	70 %	vốn điều lệ
Ngoài xí nghiệp	10 %	vốn điều lệ

- Giá trị 1 cổ phần 100.000 đồng Việt nam

- Công ty cổ phần Xây lắp Điện được phép bán cổ phần theo cơ cấu trên.

6/ Cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động trong xí nghiệp

- Tổng số lao động được mua ưu đãi	142 người
- Tổng số năm công tác	2.184 năm
- Tổng số cổ phần mua ưu đãi tối đa	21.840 cổ phần
- Cổ phần mua ưu đãi bình quân	153 CP/người

Theo quy định giám đốc, phó giám đốc, trưởng phó các phòng ban nghiệp vụ mỗi người được mua cổ phần ưu đãi không vượt quá mức cổ phần ưu đãi bình quân của lao động trong xí nghiệp là 153 cổ phần, như vậy 142 lao động của xí nghiệp được mua ưu đãi tối đa 21.144 cổ phần, trong đó 22 lao động nghèo mua ưu đãi trả chậm 3.520 cổ phần chiếm 16,64% tổng số cổ phần ưu đãi.

- Tổng giá trị ưu đãi 634.320.000 đồng (13,78% giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại XN)

7/ Công ty cổ phần Xây lắp Điện có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt nam, thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, được sử dụng con dấu theo tên gọi để giao dịch, được mở tài khoản tại ngân hàng và hoạt động theo điều lệ Công ty cổ phần Xây lắp Điện, theo Luật công ty và các Luật pháp hiện hành của Nhà nước quy định.

II/ Các công việc tiếp tục làm

1/ Xí nghiệp Xây lắp Điện hoàn chỉnh phương án theo các nội dung thống nhất nêu trên báo cáo Công ty Điện lực 2, Tổng Công ty Điện lực Việt nam trình Bộ Công nghiệp ra quyết định phê duyệt phương án.

2/ Sau khi có quyết định của Bộ Công nghiệp phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp Xây lắp Điện thành Công ty cổ phần Xây lắp Điện, Tổng Công ty Điện lực Việt nam chỉ đạo Công ty Điện lực 2 và Xí nghiệp Xây lắp Điện tiến hành bán cổ phần, báo cáo kết quả về Ban đổi mới quản lý doanh nghiệp trung ương, Bộ Công nghiệp, Bộ Tài chính, Tổng Công ty Điện lực Việt nam và thực hiện các bước tiếp theo quy định của Ban đổi mới quản lý doanh nghiệp trung ương.

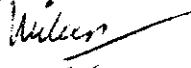
3/ Về nguyên tắc Bộ Công nghiệp đồng ý để Xí nghiệp Xây lắp Điện được sử dụng tiền thu do bán cổ phần thuộc vốn nhà nước bổ sung vốn cho dự án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty Điện lực 2 phải làm đầy đủ thủ tục theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng báo cáo Tổng Công ty Điện lực Việt nam để quyết định và thông báo đến Bộ Tài chính cấp phát.

Biên bản này đã được hội nghị thông qua và ký tên dưới đây.

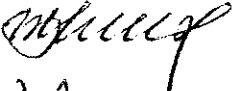
Trưởng ban Ban ĐMQLDN Bộ Công nghiệp


Lê Quốc Khánh

Đồng chí Đỗ Văn Hy 

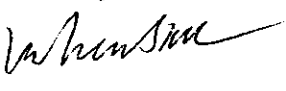
Đồng chí Trần Trung Nghĩa 

Đồng chí Hoàng Văn Loan 

Đồng chí Đặng Ngọc Tùng 

Đồng chí Trần Gia Hộ 

Đồng chí Phạm Viết Muôn 

Đồng chí Vũ Tiến Sáu 

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 406 ĐVN/HĐQT/TCCB-LĐ Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 1998

V/v: Chuyển Xí nghiệp Xây lắp
điện thành công ty cổ phần

Kính gửi: BỘ CÔNG NGHIỆP

Thực hiện thông báo số 2738/VPCP/ĐMDN ngày 17/7/ 1998 của Văn phòng Chính phủ về việc Thủ tướng Chính phủ đồng ý cổ phần hóa Xí nghiệp Xây lắp điện thuộc Công ty điện lực 2, Tổng Công ty điện lực Việt nam đã chỉ đạo Công ty điện lực 2 xây dựng đề án cổ phần hóa Xí nghiệp, dự thảo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và thực hiện các bước chuẩn bị cần thiết theo quy định để cổ phần hóa Xí nghiệp.

Căn cứ văn bản số 362 ĐVN/HĐQT-TCKT ngày 19/11/1998 của Tổng công ty điện lực Việt nam về xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 0 giờ ngày 01/7/1998 của Xí nghiệp Xây lắp điện thuộc Công ty điện lực 2; Sau khi kiểm tra công việc chuẩn bị cổ phần hóa tại doanh nghiệp, Tổng công ty điện lực Việt nam thống nhất chuẩn y Đề án cổ phần hóa Xí nghiệp Xây lắp điện thuộc Công ty điện lực 2; chấp thuận những nội dung cơ bản của dự thảo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần để đưa ra thông qua tại đại hội cổ đông. Tổng công ty đề nghị Bộ Công nghiệp xem xét quyết định chuyển Xí nghiệp Xây lắp điện thuộc Công ty điện lực 2 thành công ty cổ phần kể từ 01/01/1999 với những nội dung sau:

I/ PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA:

1. Hình thức cổ phần hóa: Thực hiện hình thức tách một bộ phận doanh nghiệp đủ điều kiện để cổ phần hóa .

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa: 18.244.738.427 đồng

(Mười tám tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm hai mươi bảy đồng).

- Giá trị pthực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: 4.603.831.729 đồng.

(Bốn tỷ sáu trăm linh ba triệu tám trăm ba mươi một ngàn bảy trăm hai mươi chín đồng).

2. Tỷ lệ cổ phần của các cổ đông:

Tổng vốn điều lệ.

6.000.000.000đ

Trong đó:

2.1- Công ty điện lực 2 giữ lại 20% giá trị, tương ứng với 1.200.000.000

2.2- CBCNV trong Xí nghiệp Xây lắp điện 70% giá trị, tương ứng với 4.200.000.000đ, bằng 42.000 cổ phần.

2.3 - Bán ra ngoài Xí nghiệp 10% giá trị, tương ứng với 600.000.000đ, bằng 6.000 cổ phần.

3. Bán ưu đãi:

3.1- Số người được ưu đãi: 145 người

3.2- Số cổ phần được mua ưu đãi: 21.514. Tổng giá trị ưu đãi 645.420.000

3.3- Tổng số cổ phần lao động nghèo được mua ưu đãi trả: 3.520 cổ phần. Tổng số lao động nghèo được mua ưu đãi trả chậm: 352. Số tiền được ưu đãi thông qua giá trị cổ phần ưu đãi: 105.600.000,00.

4- Phát hành cổ phiếu:

4.1- Hình thức: Tự phát hành

4.2- Số lượng cổ phiếu phát hành : 60.000 cổ phần.

II- PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN:

1- Tên, pháp nhân trụ sở:

a- Tên gọi đầy đủ: Công ty cổ phần Xây lắp điện

Tên giao dịch quốc tế: ELECTRICITY CONSTRUCTION STOCK COMPANY

Tên tắt : ECSC

b- Pháp nhân: Có tư cách pháp nhân, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật

c- Trụ sở; Số 16 Âu cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

2- Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng).

3- Cơ cấu tổ chức:

- Cơ quan quyền lực cao nhất: Đại hội cổ đông
- Cơ quan quản lý giữa 2 kỳ đại hội cổ đông: Hội đồng quản trị (HDQT) do đại hội cổ đông bầu, gồm 7 thành viên, trong đó cổ đông có cổ phần đặc biệt có ít nhất 1 thành viên. Chủ tịch HDQT do HDQT bầu theo sự đề cử của cổ đông có cổ phần đặc biệt.
- Ban kiểm soát gồm: người, do đại hội cổ đông bầu.
- Bộ máy điều hành: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

4- Ngành nghề kinh doanh:

- Xây lắp đường dây tải điện từ 220kV trở xuống và trạm biến áp từ 110kV trở xuống.
- Sản xuất trụ bê tông ly tâm.
- Sản xuất, chế tạo cơ khí, sửa chữa thiết bị điện, sửa chữa ô tô và các phương tiện cơ giới.
- Tư vấn và thiết kế điện từ 35kV trở xuống.
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành điện.

5- Về lao động : 145 người .

- Công nhân viên chức Xí nghiệp Xây lắp điện được tiếp tục đảm bảo công ăn việc làm và các chính sách xã hội khác như trước khi cổ phần hóa.
- Quyền lợi của người lao động được đảm bảo theo quy định của bộ Luật Lao động và hợp đồng lao động phù hợp với các quy định của Nhà nước.

6- Hoạt động của Công ty cổ phần: Theo Luật Công ty và được cụ thể hóa trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần.

III- VÊ VIỆC SỬ DỤNG SỐ TIỀN BÁN CỔ PHẦN

Tổng công ty điện lực Việt nam nhất trí với đề nghị của Công ty điện lực 2 về việc xin sử dụng số tiền thu được qua cổ phần hóa để bổ sung vốn cho dự án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh Xí nghiệp Xây lắp điện.

IV- VÊ TÀI SẢN KHÔNG ĐƯA VÀO CỔ PHẦN HÓA:

Tổng công ty điện lực Việt nam nhất trí với đề nghị của Công ty điện lực 2 về giá trị tài sản sau của Xí nghiệp Xây lắp không đưa vào cổ phần hóa. Số tài sản này Công ty điện lực 2 sẽ chịu trách nhiệm quản lý và xử lý theo chế độ hiện hành:

- Tài sản không cần dùng: 282.705.428 đồng
- Tài sản chờ thanh lý: 293.076.285 đồng

Trên đây là những nội dung cơ bản của Đề án cổ phần hóa Xí nghiệp Xây lắp điện và Phương án tổ chức Công ty cổ phần Xây lắp điện thuộc Công ty điện lực 2. Tổng công ty điện lực Việt nam kính đề nghị Bộ Công nghiệp xem xét, sớm quyết định chuyển Xí nghiệp Xây lắp điện thành Công ty cổ phần để Công ty có thể chính thức hoạt động từ đầu năm tài chính mới.

Công văn này thay thế công văn số 6655ĐVN/TCCB-LĐ ngày 01/12/1998 của Tổng công ty điện lực Việt nam/.

Nơi nhận: KL

- Như trên
- Ban ĐMQLDNTW (Để b/c)
- Bộ Tài chính (Để b/c)
- Tổng Giám đốc TCT
- Công ty điện lực 2
- Các Ban TCKT, KT, KH, TTBV.
- Lưu VP, TCCB-LĐ

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CHỦ TỊCH



ĐÀO VĂN HUNG

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 6655 ĐVN/ TCCB-LĐ
V/v: Chuyển Xí nghiệp Xây lắp
điện thành công ty cổ phần

Hà Nội, ngày 2 tháng 12 năm 1998

Kính gửi: BỘ CÔNG NGHIỆP

Thực hiện thông báo số 2738/VPCP/ĐMDN ngày 17/7/ 1998 của Văn phòng Chính phủ về việc Thủ tướng Chính phủ đồng ý cổ phần hóa Xí nghiệp Xây lắp điện thuộc Công ty điện lực 2, Tổng Công ty điện lực Việt nam đã chỉ đạo Công ty điện lực 2 xây dựng đề án cổ phần hóa Xí nghiệp, dự thảo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và thực hiện các bước chuẩn bị cần thiết theo quy định để cổ phần hóa Xí nghiệp.

Căn cứ văn bản số 1203/TC/TCĐN ngày 22/9/1998 của Bộ Tài chính về thông báo xác định giá trị Xí nghiệp Xây lắp tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/1998, Tổng công ty đã có Quyết định số 363ĐVN/HĐQT-TCKT ngày 19/11/1998 về giá trị Xí nghiệp Xây lắp điện để cổ phần hóa.

Sau khi kiểm tra công việc chuẩn bị cổ phần hóa tại doanh nghiệp, Tổng công ty thống nhất chuẩn y Đề án cổ phần hóa Xí nghiệp Xây lắp điện thuộc Công ty điện lực 2; chấp thuận những nội dung cơ bản của dự thảo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần để đưa ra thông qua tại đại hội cổ đông. Tổng công ty điện lực Việt nam đề nghị Bộ Công nghiệp xem xét quyết định chuyển Xí nghiệp Xây lắp điện thuộc Công ty điện lực 2 thành công ty cổ phần kể từ 01/01/1999 với những nội dung sau:

I/ PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA:

1. Hình thức cổ phần hóa: Thực hiện hình thức tách một bộ phận doanh nghiệp đủ điều kiện để cổ phần hóa .

+ Giá trị thực tế của doanh nghiệp:

18.244.738.427 đồng

+ Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp:

4.603.831.729 đồng

2. Tỷ lệ cổ phần của các cổ đông:

6.000.000.000đ

Tổng vốn điều lệ.

Trong đó:

2.1- Công ty điện lực 2 giữ lại 20% giá trị, tương ứng với 1.200.000.000

2.2- CBCNV trong Xí nghiệp Xây lắp điện 70% giá trị, tương ứng với 4.200.000.000đ, bằng 42.000 cổ phần.

2.3 - Bán ra ngoài Xí nghiệp 10% giá trị, tương ứng với 600.000.000đ, bằng 6.000 cổ phần.

3. Bán ưu đãi:

3.1- Số người được ưu đãi: 145 người

3.2- Số cổ phần được mua ưu đãi: 21.506. Trị giá mua 1.505.420.0000 đ. Số tiền được giảm là 645.180.000 đ (mức giảm 30%, chiếm 14,01% giá trị phần vốn Nhà nước tại Xí nghiệp (đồng thời là giá trị thực tế của Xí nghiệp).

(có danh sách chi tiết người được mua ưu đãi kèm theo).

3.3- Cổ phần bán giá ưu đãi cho người lao động nghèo trả chậm: Công ty sẽ có văn bản trình riêng.

4- Phát hành cổ phiếu:

4.1- Hình thức: Tự phát hành

4.2- Mệnh giá cổ phiếu: 100.000đ

4.3- Số lượng cổ phiếu phát hành : 48.000 cổ phiếu. Trong đó cổ phiếu ghi danh không chuyển nhượng: 7 (của thành viên Hội đồng quản trị)

4.4- Số tiền thu về từ phát hành cổ phiếu = Tổng mệnh giá cổ phiếu - giá trị được giảm cho các cổ phần ưu đãi:

$48.000 \text{ cổ phiếu} \times 100.000 \text{ đ} - (21.506 \text{ cổ phiếu} \times 30.000 \text{ đ}) = 4.154.820.000$
đồng

4.5- Phần vốn do Công ty điện lực 2 đứng tên: 12.000.0000- không phát hành cổ phiếu.

II- PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN:

1- Tên, pháp nhân trụ sở:

a- Tên gọi đầy đủ: Công ty cổ phần Xây lắp điện

Tên tắt : Công ty Xây lắp điện

Tên giao dịch quốc tế:

b- Pháp nhân: Có tư cách pháp nhân, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật

c- Trụ sở: Số 16 Âu cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

2- Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng).

3- Cơ cấu tổ chức:

- Cơ quan quyền lực cao nhất: Đại hội cổ đông
- Cơ quan quản lý giữa 2 kỳ đại hội cổ đông: Hội đồng quản trị (HĐQT) do đại hội cổ đông bầu, gồm 7 thành viên, trong đó cổ đông có cổ phần đặc biệt có ít nhất 1 thành viên. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu theo sự đề cử của cổ đông có cổ phần đặc biệt.

- Ban kiểm soát gồm: người, do đại hội cổ đông bầu.

- Bộ máy điều hành: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

4- Ngành nghề kinh doanh:

- Xây lắp đường dây và trạm trung hạ thế
- Sửa chữa thiết bị điện, ô tô, máy tính và các thiết bị khác
- Chế tạo các phụ kiện

5- Về lao động : 145 người .

- Công nhân viên chức Xí nghiệp Xây lắp điện được tiếp tục đảm bảo công ăn việc làm và các chính sách xã hội khác như trước khi cổ phần hóa.

- Quyền lợi của người lao động được đảm bảo theo quy định của bộ Luật Lao động và hợp đồng lao động phù hợp với các quy định của Nhà nước.

6- Hoạt động của Công ty cổ phần: Theo Luật Công ty và được cụ thể hóa trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần.

III-VỀ VIỆC SỬ DỤNG SỐ TIỀN BÁN CỔ PHẦN;

Tổng công ty điện lực Việt nam nhất trí với đề nghị của Công ty điện lực 2 về việc xin sử dụng số tiền thu được qua cổ phần hóa để bổ sung vốn cho dự án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh Xí nghiệp Xây lắp điện.

Trên đây là những nội dung cơ bản của Đề án cổ phần hóa Xí nghiệp Xây lắp điện và Phương án tổ chức Công ty cổ phần Xây lắp điện thuộc Công ty điện lực 2. Tổng công ty điện lực Việt nam kính đề nghị Bộ Công nghiệp xem xét, sớm quyết định chuyển Xí nghiệp Xây lắp điện thành Công ty cổ phần để Công ty có thể chính thức hoạt động từ đầu năm tài chính mới./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban ĐMQLDNTW (Để b/c)
- Bộ Tài chính (Để b/c)
- Tổng Giám đốc TCT
- Công ty điện lực 2
- Các Ban TCKT, KT, KH, TTBV.
- Lưu VP, TCCB-LĐ

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CHỦ TỊCH



ĐÀO VĂN HUNG

DANH SÁCH CÁN BỘ CNV XÍ NGHIỆP XÂY LẬP ĐIỆN MUA CỔ PHẦN ƯU ĐÃI

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	Số năm đã làm việc cho Nhà nước	Số cổ phần được mua theo giá ưu đãi (giảm giá 30% so với các cổ đông khác	Số cổ phần được mua theo giá ưu đãi 70.000đồng/cổ phần	Số tiền được hưởng theo giá ưu đãi của người lao động trong Doanh nghiệp (30.000đồng/cổ phần)	Ghi chú (Chức danh trong Doanh Nghiệp
1	Vũ văn Quyền	41	410	28.700.000	12.300.000	Quản Đốc PXCK
2	Dương Nghĩa Hiệp	36	153	10.710.000	4.590.000	Giám Đốc XN
3	Nguyễn văn Nam Sơn	23	153	10.710.000	4.590.000	Phó GĐXN
4	Phạm Minh Tiến	17	153	10.710.000	4.590.000	PGĐXN
5	Phạm Đình Lâm	28	153	10.710.000	4.590.000	TP TCLĐHC
6	Đỗ văn Cử	27	270	18.900.000	8.100.000	
7	Bùi thị Vui	23	230	16.100.000	6.900.000	
8	Nguyễn thị Phê	23	230	16.100.000	6.900.000	
9	Nguyễn Minh Chúc	23	230	16.100.000	6.900.000	
10	Nguyễn thị P.Trà	20	200	14.000.000	6.000.000	
11	Nguyễn thị Mỹ	12	120	8.400.000	3.600.000	
12	Dương Minh Hải	14	140	9.800.000	4.200.000	
13	Phan văn Lợi	13	130	9.100.000	3.900.000	
14	Nguyễn văn Khánh	10	100	7.000.000	3.000.000	
15	Trần Ngọc Phát	13	130	9.100.000	3.900.000	
16	Dương văn Nhơn	9	90	6.300.000	2.700.000	
17	Lê Hồng Lĩnh	23	230	16.100.000	6.900.000	
18	Nguyễn thị Thu Thủy	22	220	15.400.000	6.600.000	
19	Phan văn Thông	13	130	9.100.000	3.900.000	
20	Đỗ Quốc Chính	28	153	10.710.000	4.590.000	PPTCLĐHC
21	Võ Đức Đông	10	100	7.000.000	3.000.000	
22	Nguyễn Tiến Ngọc	20	200	14.000.000	6.000.000	
23	Phạm thị Độ	4	40	2.800.000	1.200.000	
24	Phạm thị Mai Lan	23	230	16.100.000	6.900.000	
25	Hồ Thu Thủy	16	160	11.200.000	4.800.000	
26	Đỗ Minh Châu	21	153	10.710.000	4.590.000	TP.KTTC
27	Hoàng Minh Dũng	11	110	7.700.000	3.300.000	PP.KTTC
28	Nguyễn thị Liên	9	90	6.300.000	2.700.000	
29	Trương Anh	23	230	16.100.000	6.900.000	CBA toàn
30	Vũ văn Sinh	23	230	16.100.000	6.900.000	
31	Nguyễn văn Tùng	23	230	16.100.000	6.900.000	
32	Bùi thị Thanh Thủy	23	230	16.100.000	6.900.000	
33	Nguyễn Ngọc Ấn	23	230	16.100.000	6.900.000	
34	Nguyễn Thành Đồng	23	230	16.100.000	6.900.000	
35	Nguyễn Văn Phước	23	153	10.710.000	4.590.000	TPKHKTVT
36	Phan văn Đức	19	190	13.300.000	5.700.000	
37	Dương văn Lộc	17	170	11.900.000	5.100.000	
38	Phạm Ngọc Đức	17	170	11.900.000	5.100.000	
39	Lê thị Kim Oanh	17	170	11.900.000	5.100.000	
40	Đào Kim Đàm	16	153	10.710.000	4.590.000	PPKHKTVT

41	Ngô Xuân Thái	10	100	7.000.000	3.000.000	PPKHKTVT
42	Thái văn Hết	10	100	7.000.000	3.000.000	
43	Võ Quyết Thắng	9	90	6.300.000	2.700.000	
44	Nguyễn văn Mới	8	80	5.600.000	2.400.000	
45	Trần Vĩnh Lợi	6	60	4.200.000	1.800.000	
46	Trương văn Xinh	10	100	7.000.000	3.000.000	
47	Nguyễn Xuân Hữu	10	100	7.000.000	3.000.000	
48	Bùi Thế Tùng	17	170	11.900.000	5.100.000	
49	Nguyễn Xuân Việt	17	170	11.900.000	5.100.000	
50	Nguyễn Ngọc Huân	17	170	11.900.000	5.100.000	
51	Đỗ Anh Tuấn	17	170	11.900.000	5.100.000	
52	Nguyễn Huy Hoàng	10	100	7.000.000	3.000.000	
53	Trần Việt Cường	10	100	7.000.000	3.000.000	
54	Nguyễn Quốc Hùng	10	100	7.000.000	3.000.000	
55	Cao Hồng Phong	10	100	7.000.000	3.000.000	
56	Nguyễn Ngọc Vũ	10	100	7.000.000	3.000.000	
57	Trịnh Dậu Phúc	10	100	7.000.000	3.000.000	
58	Nguyễn văn Hùng	10	100	7.000.000	3.000.000	
59	Nguyễn thị P. Anh	9	90	6.300.000	2.700.000	
60	Nguyễn Thế Bảng	31	310	21.700.000	9.300.000	QĐPXCT
61	Tôn Thất Trung	9	90	6.300.000	2.700.000	
62	Nguyễn văn Đông	23	230	16.100.000	6.900.000	
63	Phạm văn Tú	19	190	13.300.000	5.700.000	
64	Nguyễn văn Sơn	17	170	11.900.000	5.100.000	
65	Trần Quang Dũng	14	140	9.800.000	4.200.000	
66	Nguyễn văn Nguyên	16	160	11.200.000	4.800.000	
67	Lê Ngọc Hoa	11	110	7.700.000	3.300.000	
68	Lê văn Hậu	11	110	7.700.000	3.300.000	
69	Nguyễn Hoà Ước	11	110	7.700.000	3.300.000	
70	Đặng văn Đông	14	140	9.800.000	4.200.000	
71	Nguyễn văn Hồng	23	230	16.100.000	6.900.000	
72	Phan Quan Tuất	21	210	14.700.000	6.300.000	
73	Hồ văn Kim	21	210	14.700.000	6.300.000	Đội Phó ĐTC1
74	Phan Đức Minh	17	170	11.900.000	5.100.000	Đội Trưởng ĐTC1
75	Nguyễn Vĩnh Bình	15	150	10.500.000	4.500.000	
76	Trang Sĩ Bảnh	23	230	16.100.000	6.900.000	
77	Vũ văn Thu	20	200	14.000.000	6.000.000	
78	Nguyễn Ngọc Thành	14	140	9.800.000	4.200.000	
79	Ngô Xuân Thúc	10	100	7.000.000	3.000.000	
80	Nguyễn Thành Phương	10	100	7.000.000	3.000.000	
81	Dương văn Hà	10	100	7.000.000	3.000.000	
82	Phạm Vũ Anh Tuấn	9	90	6.300.000	2.700.000	
83	Thái Nhị Minh	21	210	14.700.000	6.300.000	
84	Nguyễn văn Xuân	10	100	7.000.000	3.000.000	
85	Phạm Ngọc Cảnh	19	190	13.300.000	5.700.000	ĐTBTC2
86	Đặng Ng. Anh Hùng	10	100	7.000.000	3.000.000	
87	Nguyễn Hồng Tuyền	8	80	5.600.000	2.400.000	
88	Nguyễn Đến	23	230	16.100.000	6.900.000	Đội Trưởng ĐTrạm
89	Nguyễn Anh Huy	17	170	11.900.000	5.100.000	Đội Phó ĐTrạm
90	Hoàng văn Quý	14	140	9.800.000	4.200.000	

91	Dương văn Thành	12	120	8.400.000	3.600.000	
92	Võ văn Quang	13	130	9.100.000	3.900.000	
93	Trần Kim Đức	11	110	7.700.000	3.300.000	
94	Phạm Ngọc An	10	100	7.000.000	3.000.000	
95	Huỳnh văn Buôn	10	100	7.000.000	3.000.000	
96	Đoàn Hùng Nhân	10	100	7.000.000	3.000.000	
97	Nguyễn Hữu Mẫn	10	100	7.000.000	3.000.000	
98	Nguyễn Quang Vinh	13	130	9.100.000	3.900.000	
99	Lâm Anh Tùng	10	100	7.000.000	3.000.000	
100	Hoàng Thúc	9	90	6.300.000	2.700.000	
101	Nguyễn văn Hậu	9	90	6.300.000	2.700.000	
102	Huỳnh hữu Đức	5	50	3.500.000	1.500.000	
103	Đinh Công Thế	17	170	11.900.000	5.100.000	
104	Huỳnh Anh Bằng	15	150	10.500.000	4.500.000	
105	Hồ Thanh Xuân	10	100	7.000.000	3.000.000	
106	Huỳnh văn Dũng	11	110	7.700.000	3.300.000	
107	Hồ văn Chanh	10	100	7.000.000	3.000.000	
108	Trần văn Đông	10	100	7.000.000	3.000.000	
109	Trần Đức Cường	23	230	16.100.000	6.900.000	
110	Đinh Trọng Thao	27	270	18.900.000	8.100.000	
111	Đinh văn Rua	23	230	16.100.000	6.900.000	
112	Từ văn Hội	23	230	16.100.000	6.900.000	
113	Đinh văn Đăng	20	200	14.000.000	6.000.000	
114	Nguyễn Thế Phong	16	160	11.200.000	4.800.000	
115	Lương Thanh Xuân	16	160	11.200.000	4.800.000	
116	Nguyễn Mạnh Tiến	13	130	9.100.000	3.900.000	
117	Trương Mỹ Long	11	110	7.700.000	3.300.000	
118	Trần văn Chương	11	110	7.700.000	3.300.000	
119	Nguyễn văn Công	10	100	7.000.000	3.000.000	
120	Lâm Anh Kiệt	10	100	7.000.000	3.000.000	
121	Nguyễn Hoàng Phú	9	90	6.300.000	2.700.000	
122	Thái văn Trọng	9	90	6.300.000	2.700.000	
123	Trần Quang Tuấn	16	160	11.200.000	4.800.000	
124	Trần Công Thông	4	40	2.800.000	1.200.000	
125	Cao Thanh Long	4	40	2.800.000	1.200.000	
126	Lê Quang Trung	21	210	14.700.000	6.300.000	
127	Nguyễn văn Beo	21	210	14.700.000	6.300.000	
128	Nguyễn Duy Phương	21	210	14.700.000	6.300.000	
129	Nguyễn văn Hùng	21	210	14.700.000	6.300.000	
130	Nguyễn Thanh Liêm	20	200	14.000.000	6.000.000	
131	Nguyễn văn Bích	16	160	11.200.000	4.800.000	
132	Đặng văn Nho	21	210	14.700.000	6.300.000	Đội Phó ĐXe
133	Nguyễn Hữu Du	29	290	20.300.000	8.700.000	Đội Trưởng ĐXe
134	Huỳnh văn Nam	11	110	7.700.000	3.300.000	
135	Nguyễn Hoàng Nam	11	110	7.700.000	3.300.000	
136	Vũ văn Hải	15	150	10.500.000	4.500.000	
137	Vũ Thanh Hùng	13	130	9.100.000	3.900.000	
138	Trần Ngọc Hạnh	10	100	7.000.000	3.000.000	
139	Ngô Vương Quốc Thái	10	100	7.000.000	3.000.000	
140	Nguyễn Phước Thiên	16	160	11.200.000	4.800.000	

**BẢNG KÊ DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGHÈO XÍ NGHIỆP XÂY LẬP ĐIỆN
MUA CỔ PHẦN ƯU ĐÃI TRẢ DẦN TRONG 10 NĂM**

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	Số năm đã làm việc cho Nhà nước	Số cổ phần được mua theo giá ưu đãi (giảm giá 30% so với các cổ đông khác	Số tiền mua cổ phần của người lao động nghèo trong doanh nghiệp 70.000đồng/cổ phần	Số tiền được ưu đãi thông qua giá cổ phần ưu đãi (30.000đồng/cổ phần)	Ghi chú (Chức danh trong Doanh Nghiệp
1	Nguyễn Thị Phương Trê	20	200	14.000.000	6.000.000	CNV - P.TCHC
2	Phan Văn Lợi	13	130	9.100.000	3.900.000	CNV - P.TCHC
3	Dương Minh Hải	14	140	9.800.000	4.200.000	CNV P.TCHC
4	Nguyễn Văn Tùng	23	230	16.100.000	6.900.000	CNV P. KHKTVT
5	Nguyễn Thành Đồng	23	230	16.100.000	6.900.000	CNV P. KHKTVT
6	Nguyễn Văn Hùng	10	100	7.000.000	3.000.000	CNV PXCK
7	Đinh Trọng Thao	27	270	18.900.000	8.100.000	CNV Đội xe
8	Trần Văn Chương	11	110	7.700.000	3.300.000	CNV Đội xe
9	Trần Đức Cường	23	230	16.100.000	6.900.000	CNV Đội xe
10	Cao Thanh Long	4	40	2.800.000	1.200.000	CNV Đội xe
11	Trần Quang Tuấn	16	160	11.200.000	4.800.000	CNV Đội xe
12	Nguyễn Phước Thiên	16	160	11.200.000	4.800.000	CNV Đội xe
13	Nguyễn Mạnh Tiên	13	130	9.100.000	3.900.000	Đội xe
14	Nguyễn văn Sơn	17	170	11.900.000	5.100.000	CNV Đội TC 1
15	Nguyễn Văn Nguyên	16	160	11.200.000	4.800.000	CNV Đội TC 1
16	Nguyễn văn Hồng	23	230	16.100.000	6.900.000	CNV Đội TC 1
17	Nguyễn Vĩnh Bình	15	150	10.500.000	4.500.000	CNV Đội TC 1
18	Vũ Văn Thu	20	200	14.000.000	6.000.000	CNV ĐTC 2
19	Nguyễn Ngọc Thành	14	140	9.800.000	4.200.000	CNV ĐTC 2
20	Đặng Nguyễn Anh Hùng	10	100	7.000.000	3.000.000	CNV ĐTC 2
21	Nguyễn Văn Xuân	10	100	7.000.000	3.000.000	CNV ĐTC 2
22	Hoàng văn Quý	14	140	9.800.000	4.200.000	CNV Đội Trám .
	Tổng cộng	352	3520	246.400.000,00	105.600.000,00	

Tổng số cổ phần trả dần so với tổng số cổ phần ưu đãi ; 16 % .

TM . BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG ỦY

BÍ THƯ

Lưu
Nguyễn Văn Lưu

TP. BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Năm Tôn

TRƯỞNG BAN CỔ PHẦN HOÁ TẠI
DOANH NGHIỆP

Dương Nghĩa Hiệp

78

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY ĐIỆN LỰC 2

☞

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
XÍ NGHIỆP XÂY LẮP ĐIỆN
(THUỘC CÔNG TY ĐIỆN LỰC 2)

☞ Tháng 10 - 1998 ☞

Tổng Công Ty Điện Lực Việt Nam
Công Ty Điện Lực 2
số: /ĐVN/ĐL2.3
7059

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 06 tháng 11 năm 1998

“Đề nghị phê duyệt
phương án CPH”

Kính gửi: Tổng Công Ty Điện Lực Việt Nam

Thực hiện theo thông báo số: 65/ĐVN/TCCB-LĐ ngày 29 tháng 6 năm 1998 của Tổng Công Ty Điện Lực Việt Nam về việc thực hiện kế hoạch, tiến độ Cổ phần hóa.

Công Ty Điện Lực 2 đã khẩn trương chuẩn bị các hồ sơ và thủ tục cần thiết tại Xí Nghiệp Xây Lắp Điện để triển khai theo đúng tiến độ của Tổng Công Ty Điện Lực Việt Nam đã đề ra. Đến nay Xí Nghiệp Xây Lắp Điện đã được Ban xác định giá trị doanh nghiệp thành lập theo quyết định số: 174 TCDN/QĐ-VP ngày 30 tháng 9 năm 1998 của Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Quản Lý Vốn và Tài Sản Nhà Nước tại Doanh Nghiệp kiểm tra xác định giá trị.

Công Ty Điện Lực 2 đã sửa đổi bổ sung và hoàn chỉnh đề án Cổ Phần Hóa Xí Nghiệp Xây Lắp Điện.

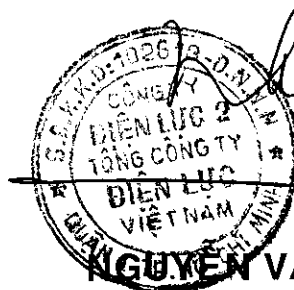
Kính gửi Tổng Công Ty Điện Lực Việt Nam xem xét, phê duyệt đề án và trình Bộ Công Nghiệp để chuyển Doanh nghiệp Xí Nghiệp Xây Lắp Điện thành Công Ty Cổ Phần.

Trân trọng cảm ơn.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐIỆN LỰC 2

Nơi nhận:

.Như trên
.Ban TCCB-LĐ Tổng Công Ty
.Lưu VT, TCLĐ



NGUYỄN VĂN GIÀU

PHẦN THỨ NHẤT

TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP

Xí Nghiệp Xây Lắp Điện được thành lập theo quyết định số 65/ĐT/TCCB.3 ngày 05/09/1980 của Bộ Điện và Than là đơn vị trực thuộc Công Ty Điện Lực Miền Nam nay là Công Ty Điện Lực 2).

Thi hành Nghị Định 388/HĐBT , Xí nghiệp Xây Lắp Điện được thành lập lại theo Quyết Định số 542/NL/TCCBLĐ ngày 30/06/1993 của Bộ Năng Lượng, trực thuộc Công Ty Điện Lực 2.

Tên gọi : Xí Nghiệp Xây Lắp Điện

Địa chỉ : 16 Âu Cơ , Phường 14, Quận Tân Bình, TP.HCM

Điện thoại : 8495960 - 8425569 Fax : 8425561

Ngành nghề kinh doanh :

- Căn cứ giấy phép đăng ký kinh doanh số 301818 ngày 08/03/1994 do Trọng Tài Kinh Tế TP HCM cấp.
- Căn cứ giấy phép hành nghề xây dựng số 813/NL/TCCBLĐ ngày 08/05/1993 do Bộ Năng Lượng cấp.

Ngành nghề kinh doanh Xí Nghiệp Xây Lắp Điện là :

- Xây lắp đường dây và Trạm Trung hạ thế
- Sửa chữa thiết bị điện
- Chế tạo các phụ kiện điện

Xí Nghiệp Xây Lắp Điện là đơn vị hạch toán phụ thuộc, trực thuộc Công Ty Điện Lực 2, có con dấu riêng được mở tài khoản tại ngân hàng, được đăng ký kinh doanh theo quy định của Bộ và tổ chức hoạt động theo sự phân cấp và ủy quyền của Công Ty Điện Lực 2.

1- Vốn kinh doanh đến 30/06/1998 : 4.394.533.557 đồng

a/ Phân theo cơ cấu vốn :

- Vốn cố định	:	3.338.321.557 đồng
- Vốn lưu động	:	1.050.212.000 -

b/ Phân theo nguồn vốn :

- Vốn Nhà Nước	:	4.394.533.557 đồng
----------------	---	--------------------

Trong đó vốn tự tích lũy :

- Vốn vay người lao động : 0
- Vốn vay tín dụng trong nước : 0
- Vốn vay tín dụng nước ngoài : 0

2- Lao động : 145 người

- Cán bộ có trình độ đại học : 17 người
- Cán bộ có trình độ trung cấp : 22 -
- Công nhân kỹ thuật : 98 -
- Lao động HĐ dài hạn : 6 -
- Lao động HĐ ngắn hạn : 2 -

3- Tình hình kinh doanh trước khi lập phương án cổ phần hoá :

ST T	CHỈ TIÊU	1995	1996	1997
1	Doanh thu	10.236.182.000	17.656.103.000	11.392.352.573
2	Vốn kinh doanh	3.625.742.667	427.839.856	4.402.017.000
3	Vốn Nhà nước	3.625.742.667	427.839.856	4.402.017.000
4	Lợi nhuận trước thuế	-24.016.000	561.298.000	249.583.000
5	Lợi nhuận sau thuế	-24.016.000	420.973.000	148.662.000
6	Số lao động (người)	190	184	160
7	Thu nhập bình quân Người/tháng	733.267	799.800	920.098
8	Các khoản nộp ngân sách	387.133.000	740.482.000	642.452.000
	Trong đó :			
	- Thuế doanh thu	387.133.000	600.157.000	541.531.000
	- Thuế lợi tức	0	140.325.000	100.921.000
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế (trên vốn kinh doanh)	0	9,85%	3,38%
10	Nợ phải trả	8.901.532.583	10.347096.249	11.450.000
	Trong đó :			
	+ Nợ ngân sách	0	209.645.248	430.848.151
	+ Nợ ngân hàng	0	0	0
11	Nợ phải thu	1.495.426.273	3.977.962.822	3.361.290.373.
	Trong đó - Nợ khó đòi			100.764.650

4/ Tình hình tài sản của doanh nghiệp :

A-/ Nhà xưởng, vật kiến trúc, đất đai :

a) Giá trị : 1.243.450.898 đồng
Trong đó :
- Không cần sử dụng và chờ thanh lý : 159.059.306 - (chiếm 12,79%)

b) Diện tích :
- Diện tích xưởng đang sử dụng : 4.152 m²
- Diện tích nhà xưởng không cần dùng : 0
- Diện tích đất đang sử dụng trong KD : 5.582 m²
- Diện tích đất đai đang quản lý : 0
- Đường xá nội bộ doanh nghiệp : 0
- Đất đai không cần dùng xin điều đi : 0

B/ Máy móc, thiết bị : 481.992.221 đồng
Trong đó : Không cần dùng chờ thanh lý : 157.866.612 - (chiếm 32,75%)

C/ Phương tiện, vận chuyển : 763.637.971 đồng
Trong đó - Không cần dùng chờ thanh lý : 117.696.007 - (chiếm 15,41%)

D/ Tài sản cố định dùng trong quản lý : 125.452.973 đồng
Trong đó - Không cần dùng chờ thanh lý : 7.615.973 - (chiếm 6,07%)

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ

1/ Hình thức cổ phần hoá :

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, doanh nghiệp chọn hình thức cổ phần hoá như sau :

Bán một phần giá trị hiện có thuộc vốn nhà nước tại doanh nghiệp để chuyển thành Công ty cổ phần .

2/ Tên Công ty cổ phần : **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN**

3/ Vốn điều lệ của Công ty cổ phần : 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng)

4/ Tỷ lệ cổ phần của các cổ đông :

- Nhà nước : 20% / vốn điều lệ
- Người lao động trong doanh nghiệp : 70% / vốn điều lệ
- Ngoài doanh nghiệp : 10% / vốn điều lệ
- Trị giá 1 cổ phần : 100.000 đ (Một trăm ngàn đồng)
 - a/ Giá trị thực tế của doanh nghiệp : 18.244.738.427 đồng
 - b/ Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp : 4.603.831.729 đồng
- Cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp:
 - * Số cổ phần : 21.506
 - * Trị giá mua : 1.505.420.000 đồng
 - * Trị giá ưu đãi : 645.180.000 đồng
- Cổ phần bán theo giá ưu đãi dành cho người lao động nghèo trong doanh nghiệp trả chậm : sẽ có văn bản riêng trình với Bộ Công Nghiệp.

5/ Thời gian và cơ quan bán cổ phiếu :

Đề nghị được bán cổ phiếu sau khi có quyết định xác định giá trị doanh nghiệp và quyết định phê duyệt phương án cổ phần hoá.

Địa điểm bán tại văn phòng Xí Nghiệp Xây Lắp Điện, số 16 Âu Cơ , Phường 14, Quận Tân Bình TP.Hồ Chí Minh..

6/ Phương án đầu tư phát triển doanh nghiệp sau khi cổ phần hoá :

Sau khi cổ phần hóa, Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện sẽ giải quyết tiền thu từ bán cổ phần, như sau :

Thu tiền mặt :

- 1/ Do bán cổ phiếu trong nội bộ Xí Nghiệp (70%): 42.000 CP
+ Bán cổ phần ưu đãi : 21.506 CP x 70.000 đ = 1.505.420.000 đ
+ Bán cổ phần thường: 20.494 CP x 100.000 đ = 2.049.400.000 đ
2/ Bán ra ngoài (10 %) : 6.000 CP x 100.000 đ = 600.000.000 đ

CỘNG = 4.154.820.000 đ

Trong tổng giá trị phần vốn Nhà Nước tại doanh nghiệp được chia ra như sau : **4.603.831.729 đ**

- + Nhà Nước giữ lại để chiếm 20% vốn điều lệ : 1.200.000.000 đ
+ Nhà Nước tài trợ ưu đãi cho CBCNV : 645.180.000 đ
+ Nhà Nước đài thọ chi phí cổ phần hóa : 150.000.000 đ
+ Nhà nước thu về từ tiền bán cổ phần : 2.608.651.729 đ

(số liệu trên đây chưa tính phần bán trả chậm cho CBCNV nghèo và CBCNV đã nghỉ hưu xin mua cổ phần ưu đãi)

Như vậy, số tiền mặt bán cổ phần sẽ được :

- Nộp lại cho Ngân sách Nhà Nước : 2.608.651.729 đ
- Để lại Công Ty Cổ phần : 1.546.168.271 đ

4.154.820.000 đ

Số tiền để lại Công Ty Cổ Phần sẽ được sử dụng theo kế hoạch để phát triển kinh doanh

6.1 Các cơ sở hoạch định:

Phương hướng phát triển của XN.XLĐ từ năm 1999-2001 dựa trên cơ sở nhu cầu phát triển lưới điện khu vực phía Nam, đồng thời tham gia xây dựng các công trình cung cấp điện cho các khu dân cư mới, các khu công nghiệp và các nhà cao tầng, khách sạn, văn phòng trong và ngoài nước.

6.2. Nhận định thị trường hiện tại và dự báo tương lai:

a. Đặc điểm sản phẩm ngành:

- ◆ Sản phẩm chủ yếu phục vụ cho việc sản xuất, phân phối và tiêu thụ điện.
- ◆ Sản phẩm đòi hỏi độ an toàn, chính xác cao, công nghệ sản xuất tiên tiến, đáp ứng nghiêm ngặt tiêu chuẩn đo lường chất lượng của Nhà nước.

b. Nhận định thị trường hiện tại và dự báo trong tương lai :

Nhu cầu năng lượng điện phục vụ CNH - HĐH nền kinh tế và cho đời sống dân cư ngày càng gia tăng. Vì thế , thị trường dành cho các sản phẩm của XN.XLĐ còn rất lớn, cung chưa đáp ứng đủ cầu trong nhiều năm tới.

Tuy nhiên, việc tiêu thụ các sản phẩm trên thị trường này cạnh tranh ngày càng gay gắt, nhất là cạnh tranh về chất lượng sản phẩm và cạnh tranh về giá cả hợp lý do việc cung ứng thiết bị vật tư điện đang ngày càng mở rộng cơ chế đấu giá , đấu thầu theo đúng cơ chế thị trường thật sự.

6.3. Đánh giá thế mạnh, điểm yếu và triển vọng của xí nghiệp:

a. Thế mạnh của Xí nghiệp:

- Có sự hỗ trợ của Công ty Điện Lực 2 về nhiều mặt.
- Đội ngũ nhân sự với bề dày kinh nghiệm và được trang bị tương đối đầy đủ.
- Tiềm năng cơ sở hạ tầng còn chưa khai thác hết.

b. Điểm yếu :

- Chưa thực sự chủ động trong việc nghiên cứu thị trường, tìm kiếm thêm khách hàng khác ngoài Công Ty Điện Lực 2.
- Tính cạnh tranh còn nhiều mặt yếu kém.

c . Triển vọng của Xí nghiệp:

Những chương trình cải tạo và phát triển mạng lưới điện sẽ tạo ra một thị trường lớn về sản phẩm của XN.XLD đang sản xuất. Vì thế, nếu XN có những chuyển biến mạnh mẽ, đổi mới quản lý, sớm khai thác thế mạnh, khắc phục điểm yếu thì triển vọng phát triển của XN là điều có thể trở thành hiện thực.

6.4 Những định hướng chiến lược của xí nghiệp - phương hướng phát triển đến năm 2001 :

- Củng cố tổ chức bộ máy - đổi mới phương thức quản lý - tạo động lực mới cho người lao động nâng cao năng suất-chất lượng-hiệu quả.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh đấu thầu xây dựng các công trình điện để khai thác tối đa công suất thiết bị nhà xưởng...
- Đa dạng hóa sản phẩm - mở rộng ngành nghề kinh doanh để hoạt động liên tục quanh năm.

6.5. Kế hoạch tài chính - nhu cầu vốn - lợi nhuận - phân phối lợi nhuận:

CÔNG VIỆC	KHỐI LƯỢNG	GIÁ TRỊ SL (tỷ đồng)
1. THI CÔNG XÂY LẮP ĐƯỜNG DÂY ĐẾN 220KV VÀ TRẠM ĐẾN 110KV		45,0
- Đường dây 66KV đến 220KV	30 Km	
- Đường dây từ 35KV trở xuống	200 Km	
- Đường dây hạ thế	200 Km	
- Trạm 110 KV	40 MVA	
- Trạm 22 / 0,4 KV	10.000 KVA	
2. SX TRỤ ĐIỆN BÊ TÔNG LY TÂM	4.000 Trụ	5,0
3. CHẾ TẠO CƠ KHÍ, SỬA CHỮA THIẾT BỊ	450 tấn	4,5
4. SỬA CHỮA ÔTÔ THI CÔNG CƠ GIỚI		2,5
- Ôtô	20 xe	
- Xe thi công cơ giới	10 xe	
5. TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ ĐẾN 35KV		0,2
- Đường dây	100 Km	

- Trạm 22 / 0,4 KV	5.000 KVA	
6. KINH DOANH XNK VẬT TƯ THIẾT BỊ NGÀNH ĐIỆN		1,0
TỔNG CỘNG		58,2

Hiện nay, XN thực hiện đạt 18 tỷ - tức khoảng 30% công suất - còn có khả năng nâng dần công suất hoạt động gấp 3 lần hiện nay.

6.6 Dự kiến kế hoạch doanh thu 3 năm tới :

<u>CÁC CHỈ TIÊU</u>	1999	2000	2001
1. Thi công đường dây đến 220KV - trạm đến 110KV	23,00	27,00	45,00
2. SX trụ điện bê tông ly tâm 4.000 trụ / năm	3,50	6,00	8,00
3. Chế tạo cơ khí, sửa chữa thiết bị điện	5,00	5,50	6,00
4. Sửa chữa trung đại tu ôtô, phương tiện cơ giới	2,50	3,00	3,50
5. Kinh doanh vật tư - thiết bị ngành điện	1,00	1,00	1,00
TỔNG CỘNG	35,00	42,50	62,50

6.7 Dự kiến kế hoạch tài chính 3 năm tới :

a) Kế hoạch nhu cầu vốn

<u>CÁC CHỈ TIÊU</u>	1998	1999	2000	2001
Tổng số vốn	19,25	8,60	21,25	25,20
* Vốn chủ sở hữu	6,04	6,00	6,43	10,58
* Vốn trong thanh toán (Nợ)	13,21	12,60	14,82	14,62
2. Doanh Thu sau thuế	20,00	35,00	42,50	62,50
<i>Tốc độ tăng</i>	<i>13,63 %</i>	<i>75,0 %</i>	<i>41,6 %</i>	<i>47,0 %</i>
3. Lợi nhuận	0,40	1,40	1,90	3,12
4. Vòng quay vốn (vòng)	1,00	1,88	2,00	2,48
5. Tỷ suất LN / DT	2,00 %	4,00 %	4,47 %	5,00 %
6. Tỷ suất LN / Vốn riêng	6,62 %	23,33 %	31,66 %	31,20 %

b) Kế hoạch phân phối lợi nhuận

(đvt: tỷ đồng)

STT	CHỈ TIÊU	1998	1999	2000	2001
1	Doanh thu sau thuế	20,00	35,00	42,50	62,50
2	Chi phí	19,60	33,60	40,60	59,38
3	Lợi nhuận trước thuế	0,40	1,40	1,90	3,12
4	Thuế thu nhập DN : 25 % (*)		0,17	0,24	0,78
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập		1,23	1,66	2,34
6	Phân phối lợi nhuận				
	- Quỹ dự trữ pháp định (5%)		0,06	0,08	0,12
	- Quỹ tích lũy tái đầu tư (30%)		0,37	0,50	0,70
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi (5%)		0,06	0,08	0,12
	- Chia lãi cổ đông (60%)		0,74	1,00	1,40
	Tỷ lệ chia cổ tức (% / năm)		12,33	15,55	13,23
7	Nhu cầu vốn (Xem bảng TKTS)	19,25	18,60	21,25	25,2

Ghi chú: được giảm 50% thuế thu nhập DN trong 2 năm đầu sau khi CPH

c) Bảng cân đối kế toán dự kiến đến ngày 31-12

(đvt: tỷ đồng)

	1998	1999	2000	2001
TÀI SẢN	19,25	18,60	21,25	25,20
A. Tài sản cố định	2,56	3,00	4,00	6,00
B. Tài sản lưu động	16,69	15,60	17,25	19,20
NGUỒN	19,25	18,60	21,25	25,20
A. Nợ:	13,21	12,60	14,82	14,62
B. Vốn chủ sở hữu :	6,04	6,00	6,43	10,58
<i>Trong đó:</i>				
■ Vốn kinh doanh (Vốn điều lệ)	6,00	6,00	6,00	(*) 10,00
■ Quỹ tích lũy:		-	0,37	0,50
■ Quỹ dự trữ:		-	0,06	0,08

Ghi chú: (*) Dự kiến phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn sau 2 năm CPH

d) Cơ cấu tài trợ cho nhu cầu vốn - với 3 nguồn tài trợ chủ yếu là :

- *Nguồn I : Vốn điều lệ hay Vốn cổ phần* do các cổ đông đóng góp.
- *Nguồn II: Các Quỹ trong doanh nghiệp* - dự kiến điều lệ Cty Cổ phần mới tự quy định :

- Quỹ dự trữ pháp định : 5 %	- Quỹ khen thưởng - phúc lợi : 5 %
- Quỹ tích lũy tái đầu tư : 30%	- Chia lãi cho cổ đông : 60%

- *Nguồn III : Các loại nợ, như* vay nợ - vốn ứng trước của khách hàng - mua vật tư chậm trả....

GIẢI TRÌNH :

1. Kế hoạch này đòi hỏi XN phải có những nỗ lực đổi mới, năng động hơn để gia tăng tốc độ phát triển giá trị sản lượng từ 40% đến 75% mỗi năm để đến năm thứ III sau khi CPH sẽ tận dụng hết công suất, năng lực hiện có của XN.
2. Tuy nhiên, để nhu cầu vốn không tăng quá nhiều - chỉ từ 20 tỷ lên 25 tỷ (tăng 25%) - đòi hỏi XN phải có những biện pháp đẩy mạnh vòng quay vốn. Hiện nay hệ số này chỉ có 1vòng/năm, cần nỗ lực tăng dần lên để đến năm 2001 đạt được 2,48 - 2,50 vòng/năm.
3. Với nhu cầu vốn đó, muốn cho mức chia cổ tức cho cổ đông tương đối xấp xỉ lãi suất tiền gửi tiết kiệm thì **mức vốn điều lệ cần 6 tỷ - tăng 1,4 tỷ** so vốn Nhà nước hiện có ở XN. Đồng thời tiếp tục sử dụng các hình thức nợ khoảng gấp 2 lần vốn điều lệ. Dù vậy, sau 2 năm CPH, đến năm 2001 vẫn cần phải tăng vốn điều lệ để không tăng nợ quá nhiều làm cho tình hình tài chính sẽ trở nên yếu kém. Do đó, vào năm này dự kiến sẽ phát hành thêm cổ phiếu tăng 4 tỷ, nâng vốn điều lệ từ 6 tỷ lên 10 tỷ.
4. Mặc dù XN sẽ phải có những biện pháp chấn chỉnh quản lý chi phí để vừa hạ giá dự thầu, nâng cao tính cạnh tranh, vừa nâng cao lợi nhuận. Nhưng tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu cũng chỉ có thể tăng từ 2% lên 5% và tỷ suất lợi nhuận trên vốn cũng chỉ có khả năng tăng từ 6,6% lên đến khoảng 31%. Vì thế, sau khi phân phối với mức tích lũy thấp như nêu trên, lợi nhuận còn lại để chia cổ tức cho cổ đông cũng chỉ có thể đạt từ 12,3% đến 16,6% / năm. Đây tuy chưa phải là mức chia cổ tức hấp dẫn, nhưng các cổ đông có thể chấp nhận được nhờ tương đương lãi suất tiền gửi tiết kiệm.

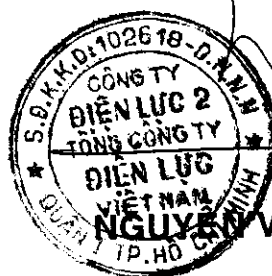
PHẦN THỨ BA

TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

Đề nghị được Bộ Công Nghiệp , Tổng Công Ty Điện Lực Việt Nam ghi nhận những vấn đề sau :

- 1/ Số tài sản chờ thanh lý , không cần dùng còn gửi lại Công ty cổ phần tạm giữ cho nhà nước :
 - Tài sản cố định không cần dùng : 244.596.579
 - Tài sản cố định chờ thanh lý : 197.641.319
 - Tài sản lưu động (vật tư mất phẩm chất): 95.434.966
 - Công nợ không có khả năng thu hồi : 38.108.849
- 2/ Những người đã có công đóng góp với doanh nghiệp nhưng tại thời điểm cổ phần hoá đã nghỉ hưu đề nghị được xem xét vận dụng để được hưởng chính sách mua cổ phần giá ưu đãi.
(danh sách kèm theo)
- 3/ Giao cho Ban Lãnh Đạo Xí Nghiệp Xây Lắp Điện (Ban Giám Đốc, Chi Bộ, Công Đoàn) xét các trường hợp lao động nghèo được mua cổ phần trả chậm trên cơ sở bình quân thu nhập của gia đình CBCNV.
- 4/ Được giao quyền sử dụng đất toàn bộ khu vực Xí Nghiệp trong 50 năm.
- 5/ Xin được vay tiền bán cổ phiếu để làm vốn lưu động theo lãi suất ưu đãi .

TRƯỞNG BAN CỔ PHẦN HOÁ XÍ NGHIỆP XÂY LẮP ĐIỆN
GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐIỆN LỰC 2



NGUYỄN VĂN GIÀU

PHẦN THỨ BA

TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

Đề nghị được Bộ Công Nghiệp, Tổng Công Ty Điện Lực Việt Nam ghi nhận những vấn đề sau :

- 1/ Số tài sản chờ thanh lý, không cần dùng còn gửi lại Công ty cổ phần tạm giữ cho nhà nước :
 - Tài sản cố định không cần dùng : 244.596.579
 - Tài sản cố định chờ thanh lý : 197.641.319
 - Tài sản lưu động (vật tư mất phẩm chất): 95.434.966
 - Công nợ không có khả năng thu hồi : 38.108.849
- 2/ Những người đã có công đóng góp với doanh nghiệp nhưng tại thời điểm cổ phần hoá đã nghỉ hưu đề nghị được xem xét vận dụng để được hưởng chính sách mua cổ phần giá ưu đãi.
(danh sách kèm theo)
- ✓ 3/ Giao cho Ban Lãnh Đạo Xí Nghiệp Xây Lắp Điện (Ban Giám Đốc, Chi Bộ, Công Đoàn) xét các trường hợp lao động nghèo được mua cổ phần trả chậm trên cơ sở bình quân thu nhập của gia đình CBCNV.
- 4/ Được giao quyền sử dụng đất toàn bộ khu vực Xí Nghiệp trong 50 năm.
- 5/ Xin được vay tiền bán cổ phiếu để làm vốn lưu động theo lãi suất ưu đãi .

TRƯỞNG BAN CỔ PHẦN HOÁ XÍ NGHIỆP XÂY LẮP ĐIỆN
GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐIỆN LỰC 2



NGUYỄN VĂN GIÀU

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP XÍ NGHIỆP XÂY LẬP ĐIỆN
MUA CỔ PHẦN ƯU ĐÃI**

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	Số năm đã làm việc cho Nhà nước	Số cổ phần được mua theo giá ưu đãi (giảm giá 30% so với các cổ đông khác	Số cổ phần được mua theo giá ưu đãi 70.000đồng/cổ phần	Số tiền được hưởng theo giá ưu đãi của người lao động trong Doanh nghiệp (30.000đồng/cổ phần)	Ghi chú (Chức danh trong Doanh Nghiệp
1	Vũ văn Quyền	41	410	28.700.000	12.300.000	Quản Đốc PXCK
2	Dương Nghĩa Hiệp	36	152 ⁴⁵²	10.640.000	4.560.000	Giám Đốc KN
3	Nguyễn Văn Nam Sơn	23	152	10.640.000	4.560.000	Phó GĐKN
4	Phạm Minh Tiến	17	152	10.640.000	4.560.000	PGĐKN
5	Phạm Đình Lâm	28	152	10.640.000	4.560.000	TP TCLĐHC
6	Đỗ văn Cử	27	270	18.900.000	8.100.000	
7	Bùi thị Vui	23	230	16.100.000	6.900.000	
8	Nguyễn thị Phê	23	230	16.100.000	6.900.000	
9	Nguyễn Minh Chức	23	230	16.100.000	6.900.000	
10	Nguyễn thị P.Trê	20	200	14.000.000	6.000.000	
11	Nguyễn thị My	12	120	8.400.000	3.600.000	
12	Dương Minh Hải	17	170	11.900.000	5.100.000	
13	Phan văn Lợi	13	130	9.100.000	3.900.000	
14	Nguyễn văn Khánh	10	100	7.000.000	3.000.000	
15	Trần Ngọc Phát	13	130	9.100.000	3.900.000	
16	Dương văn Nhơn	9	90	6.300.000	2.700.000	
17	Lê Hồng Linh	23	230	16.100.000	6.900.000	
18	Nguyễn thị Thu Thủy	22	220	15.400.000	6.600.000	
19	Phan văn Thông	17	170	11.900.000	5.100.000	
20	Đỗ Quốc Chính	28	152	10.640.000	4.560.000	PTCLĐHC
21	Võ Đức Đông	10	100	7.000.000	3.000.000	
22	Hà văn Em	20	200	14.000.000	6.000.000	
23	Nguyễn Tiến Ngọc	20	200	14.000.000	6.000.000	
24	Phạm thị Đ	3	30	2.100.000	900.000	
25	Phạm thị Mai Lan	23	230	16.100.000	6.900.000	
26	Hồ Thu Thủy	16	160	11.200.000	4.800.000	
27	Đỗ Minh Châu	21	152	10.640.000	4.560.000	TP.KTTC
28	Hoàng minh Dũng	11	110	7.700.000	3.300.000	PP.KTTC
29	Nguyễn thị Liên	9	90	6.300.000	2.700.000	
30	Trương Anh	23	230	16.100.000	6.900.000	CBA toàn
31	Vũ văn Sinh	23	230	16.100.000	6.900.000	
32	Nguyễn văn Tùng	23	230	16.100.000	6.900.000	
33	Bùi thị Thanh Thủy	23	230	16.100.000	6.900.000	
34	Nguyễn Ngọc Ân	23	230	16.100.000	6.900.000	

55	Nguyễn Thành Đông	23	230	16.100.000	6.900.000	
56	Huỳnh Hữu Phước	23	152	10.640.000	4.560.000	TPKHKTVT
57	Phan văn Đức	19	190	13.300.000	5.700.000	
58	Dương văn Lộc	17	170	11.900.000	5.100.000	
59	Phạm Ngọc Đức	17	170	11.900.000	5.100.000	
60	Lê thị Kim Oanh	17	170	11.900.000	5.100.000	
61	Trần Kim Đan	16	152	10.640.000	4.560.000	PPKHKTVT
62	Ngô Xuân Thái	10	100	7.000.000	3.000.000	PPKHKTVT
63	Thái văn Hết	10	100	7.000.000	3.000.000	
64	Võ Quyết Thắng	9	90	6.300.000	2.700.000	
65	Nguyễn văn Mới	8	80	5.600.000	2.400.000	
66	Trần Vĩnh Lợi	6	60	4.200.000	1.800.000	
67	Châu Thiên Minh Hoà	3	30	2.100.000	900.000	
68	Trương văn Xinh	10	100	7.000.000	3.000.000	
69	Nguyễn Xuân Hữu	10	100	7.000.000	3.000.000	
70	Bùi Thế Tùng	17	170	11.900.000	5.100.000	
71	Nguyễn Xuân Việt	17	170	11.900.000	5.100.000	
72	Nguyễn Ngọc Huân	17	170	11.900.000	5.100.000	
73	Đỗ Anh Tuấn	17	170	11.900.000	5.100.000	
74	Nguyễn Huy Hoàng	10	100	7.000.000	3.000.000	
75	Trần Việt Cường	10	100	7.000.000	3.000.000	
76	Nguyễn Quốc Hùng	10	100	7.000.000	3.000.000	
77	Cao Hồng Phong	10	100	7.000.000	3.000.000	
78	Nguyễn Ngọc Vũ	10	100	7.000.000	3.000.000	
79	Trịnh Dậu Phúc	10	100	7.000.000	3.000.000	
80	Nguyễn văn Hùng	10	100	7.000.000	3.000.000	
81	Nguyễn thị P. Anh	9	90	6.300.000	2.700.000	
82	Nguyễn Thế Bằng	31	310	21.700.000	9.300.000	QDPKCT
83	Tôn Thất Trung	9	90	6.300.000	2.700.000	
84	Nguyễn văn Đông	23	230	16.100.000	6.900.000	
85	Phạm văn Tú	19	190	13.300.000	5.700.000	
86	Nguyễn văn Sơn	17	170	11.900.000	5.100.000	
87	Trần Quang Dũng	14	140	9.800.000	4.200.000	
88	Nguyễn văn Nguyễn	16	160	11.200.000	4.800.000	
89	Lê Ngọc Hoa	11	110	7.700.000	3.300.000	
90	Lê văn Hậu	11	110	7.700.000	3.300.000	
91	Nguyễn Hoà Ước	11	110	7.700.000	3.300.000	
92	Đặng văn Đông	14	140	9.800.000	4.200.000	
93	Nguyễn văn Hồng	23	230	16.100.000	6.900.000	
94	Phan Quan Tuất	21	210	14.700.000	6.300.000	
95	Hồ văn Kim	21	210	14.700.000	6.300.000	Đội Phó ĐTC1
96	Phan Đức Minh	17	170	11.900.000	5.100.000	Đội Trưởng ĐTC1
97	Nguyễn Vĩnh Bình	15	150	10.500.000	4.500.000	
98	Trang Sĩ Bánh	23	230	16.100.000	6.900.000	

79	Vũ văn Thu	20	200	14.000.000	6.000.000	
80	Nguyễn Ngọc Thành	14	140	9.800.000	4.200.000	
81	Ngô Xuân Thúc	10	100	7.000.000	3.000.000	
82	Nguyễn Thành Phươn	10	100	7.000.000	3.000.000	
83	Dương văn Hê	10	100	7.000.000	3.000.000	
84	Phạm Vũ Anh Tuấn	9	90	6.300.000	2.700.000	
85	Thái Nhị Minh	21	210	14.700.000	6.300.000	
86	Nguyễn văn Xuân	10	100	7.000.000	3.000.000	
87	Phạm Ngọc Cảnh	19	190	13.300.000	5.700.000	ĐTBTC2
88	Đặng Ng. Anh Hùng	10	100	7.000.000	3.000.000	
89	Nguyễn Hồng Tuyền	8	80	5.600.000	2.400.000	
90	Nguyễn Đền	23	230	16.100.000	6.900.000	Đội Trưởng ĐTrạm
91	Nguyễn Anh Huy	17	170	11.900.000	5.100.000	Đội Phó ĐTrạm
92	Hoàng văn Quý	14	140	9.800.000	4.200.000	
93	Dương văn Thành	12	120	8.400.000	3.600.000	
94	Võ văn Quang	13	130	9.100.000	3.900.000	
95	Trần Kim Đức	11	110	7.700.000	3.300.000	
96	Phạm Ngọc An	10	100	7.000.000	3.000.000	
97	Huỳnh văn Buôn	10	100	7.000.000	3.000.000	
98	Đoàn Hùng Nhân	10	100	7.000.000	3.000.000	
99	Nguyễn Hữu Mẫn	10	100	7.000.000	3.000.000	
100	Nguyễn Quang Vinh	13	130	9.100.000	3.900.000	
101	Lâm Anh Tùng	10	100	7.000.000	3.000.000	
102	Hoàng Thúc	9	90	6.300.000	2.700.000	
103	Nguyễn văn Hậu	9	90	6.300.000	2.700.000	
104	Huỳnh hữu Đức	5	50	3.500.000	1.500.000	
105	Đinh Công Thế	17	170	11.900.000	5.100.000	
106	Huỳnh Anh Bằng	15	150	10.500.000	4.500.000	
107	Hồ Thanh Xuân	10	100	7.000.000	3.000.000	
108	Huỳnh văn Dũng	11	110	7.700.000	3.300.000	
109	Hồ văn Chanh	10	100	7.000.000	3.000.000	
110	Trần văn Đông	10	100	7.000.000	3.000.000	
111	Trần Đức Cường	23	230	16.100.000	6.900.000	
112	Đinh Trọng Thao	27	270	18.900.000	8.100.000	
113	Đinh văn Rua	23	230	16.100.000	6.900.000	
114	Từ văn HỒI	23	230	16.100.000	6.900.000	
115	Đinh văn Đáng	20	200	14.000.000	6.000.000	
116	Nguyễn Thế Phong	16	160	11.200.000	4.800.000	
117	Lương Thanh Xuân	16	160	11.200.000	4.800.000	
118	Nguyễn Mạnh Tiến	13	130	9.100.000	3.900.000	
119	Trương Mỹ Long	11	110	7.700.000	3.300.000	
120	Trần văn Chương	11	110	7.700.000	3.300.000	
121	Nguyễn văn Công	10	100	7.000.000	3.000.000	
122	Lâm Anh Kiệt	10	100	7.000.000	3.000.000	

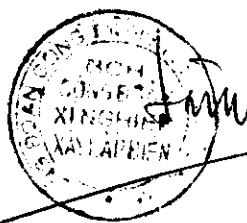
123	Nguyễn Hoàng Phú	9	90	6.300.000	2.700.000	
124	Thái văn Trọng	9	90	6.300.000	2.700.000	
125	Trần Quang Tuấn	16	160	11.200.000	4.800.000	
126	Phan văn Tươi	8	80	5.600.000	2.400.000	
127	Trần Công Thông	4	40	2.800.000	1.200.000	
128	Cao Thanh Long	4	40	2.800.000	1.200.000	
129	Lê Quang Trung	21	210	14.700.000	6.300.000	
130	Nguyễn văn Beo	21	210	14.700.000	6.300.000	
131	Nguyễn Duy Phương	21	210	14.700.000	6.300.000	
132	Nguyễn văn Hùng	21	210	14.700.000	6.300.000	
133	Nguyễn Thanh Liêm	20	200	14.000.000	6.000.000	
134	Nguyễn văn Bích	16	160	11.200.000	4.800.000	
135	Đặng văn Nho	21	210	14.700.000	6.300.000	Đội Phó ĐXe
136	Nguyễn Hữu Dư	29	290	20.300.000	8.700.000	Đội Trưởng ĐXe
137	Huỳnh văn Nam	11	110	7.700.000	3.300.000	
138	Nguyễn Hoàng Nam	11	110	7.700.000	3.300.000	
139	Vũ văn Hải	15	150	10.500.000	4.500.000	
140	Vũ Thanh Hùng	13	130	9.100.000	3.900.000	
141	Trần Ngọc Hạnh	10	100	7.000.000	3.000.000	
142	Ngô Vương Quốc Thái	10	100	7.000.000	3.000.000	
143	Nguyễn Phước Thiên	16	160	11.200.000	4.800.000	
144	Quách Quang Tuyên	2	20	1.400.000	600.000	
145	Trần Thanh Long	6	60	4.200.000	1.800.000	
	CỘNG	2.221	21.506	1.505.420.000	645.180.000	

- Giá trị cổ phần ưu đãi bình quân /người = 645.180.000 đ : 145 Người = 4.449.517 đ
- Tổng giá trị cổ phần ưu đãi so với tổng giá trị thuộc vốn nhà nước : 14,01 %
[(645.180000 : 4.603.831.729) x 100] %

TM.BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG ỦY TM.BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN TRƯỞNG BAN CỔ PHẦN HOÁ TẠI
BÍ THƯ CHỦ TỊCH DOANH NGHIỆP



NGUYỄN THẾ BẢNG



PHẠM ĐÌNH LÂM



DƯƠNG NGHĨA HIỆP

300

**DANH SÁCH CB CNV ĐÃ NGHỈ HƯU XÍ NGHIỆP XÂY LẬP ĐIỆN
XIN MUA CỔ PHẦN ƯU ĐÃI.**

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	Số năm đã làm việc cho Nhà nước	Số cổ phần được mua theo giá ưu đãi (giảm giá 30% so với các cổ đông khác	Số cổ phần được mua theo giá ưu đãi 70.000đồng/cổ phần	Số tiền được hưởng theo giá ưu đãi của người lao động trong Doanh nghiệp (30.000đồng/cổ phần)	Ghi chú (Chức danh trong Doanh Nghiệp
1	Đoàn Văn Hồng	12	120	8.400.000	3.600.000	
2	Nguyễn văn Ngân	12	120	8.400.000	3.600.000	
3	Trần Kim Khánh	12	120	8.400.000	3.600.000	
4	Thái Văn Chính	18	180	12.600.000	5.400.000	
5	Hứa tấn Danh	14	140	9.800.000	4.200.000	
6	Lương Văn Rành	15	150	10.500.000	4.500.000	
7	Đoàn Kim Hương	15	150	10.500.000	4.500.000	
8	Nguyễn Văn Tám	15	150	10.500.000	4.500.000	
9	Nguyễn văn Minh	15	150	10.500.000	4.500.000	
10	Nguyễn văn Soi	16	160	11.200.000	4.800.000	
11	Trần Lạt	16	160	11.200.000	4.800.000	
12	Trần Thị Thu Thủy	17	170	11.900.000	5.100.000	
13	Nguyễn văn Tư	17	170	11.900.000	5.100.000	
14	Lê Thị Hiền	17	170	11.900.000	5.100.000	
15	Trịnh Quang Ngọc	21	210	14.700.000	6.300.000	
16	Đỗ Thị Sâm	19	190	13.300.000	5.700.000	
17	Nguyễn Ngọc Đông	19	190	13.300.000	5.700.000	
18	Đỗ Phùng	43	430	30.100.000	12.900.000	
19	Bùi thị Mai	20	200	14.000.000	6.000.000	
20	Võ Văn Khiêm	22	220	15.400.000	6.800.000	
	TỔNG CỘNG	355	3.550	248.500.000	106.500.000	

- Giá trị cổ phần ưu đãi bình quân/người = 106.500.000 : 20 Người = 5.325.000 đồng

TM BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG ỦY

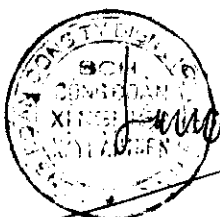
NÍ THƯ



Nguyễn Thế Bảng

TM BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN

CHỦ TỊCH



Phạm Đình Lâm

TRƯỞNG BAN CỔ PHẦN HOÁ TẠI

DOANH NGHIỆP



Dương Nghĩa Hiệp

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN

Căn cứ theo :

- Luật Công ty, đã được kỳ họp thứ tám Quốc hội khóa 8 nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/12/1990 ;
- Nghị định 44 / CP ngày 29 / 6 / 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển một số Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần và các Thông tư hướng dẫn của các Bộ ngành.
- Văn bản số 2738/VPCP-ĐMDN ngày 17-7-1998 của Chính Phủ về việc chọn CÔNG TY ĐIỆN LỰC 2 tiến hành cổ phần hóa XN XÂY LẮP ĐIỆN - một đơn vị hạch toán báo sổ trực thuộc CÔNG TY ĐIỆN LỰC 2.
- Căn cứ Quyết định số /.... ngày của Bộ Công Nghiệp về việc phê duyệt phương án chuyển thể XÍ NGHIỆP XÂY LẮP ĐIỆN thành Công ty cổ phần;
- Căn cứ Quyết định số /.... ngày của về việc chuyển thể XN XÂY LẮP ĐIỆN là DNNN thành CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN

Chúng tôi, những thành viên của Đại hội cổ đông thành lập đã thảo luận, góp ý thông qua ngày ___tháng ___năm___, cùng cam kết về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần XÂY LẮP ĐIỆN , cũng như các thành viên tham gia sau này, cùng tán thành và thực hiện theo bản Điều lệ này, gồm các điều khoản như sau (biên bản đính kèm):

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Hình thức - Tư cách pháp lý

1. Công ty XÂY LẮP ĐIỆN là một doanh nghiệp được thành lập hợp pháp dưới hình thức Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Công ty và các văn bản pháp quy có liên quan, chịu sự quản lý của các cơ quan có thẩm quyền theo luật pháp quy định.
2. **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN** là một Công ty cổ phần trong đó các cổ đông cùng góp vốn điều lệ, cùng chia nhau lợi nhuận, cùng chịu

lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn về các khoản nợ, các khoản cam kết của Công ty trong phạm vi phần vốn của mình đã góp vào Công ty bằng giá trị cổ phần mình sở hữu.

3. Lợi ích của người góp vốn dưới hình thức mua cổ phần sẽ được bảo hộ bởi các quy định của luật pháp hiện hành.

4. **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN** là một tổ chức kinh tế độc lập:

- ♦ Có tư cách pháp nhân theo luật định, có con dấu riêng ;
- ♦ Có tài sản riêng và tự chủ về tài chính, hạch toán kinh tế độc lập tự chịu trách nhiệm về kết quả mọi hoạt động kinh doanh.
- ♦ Có quyền tự quyết định một cách độc lập trong quá trình hoạt động của Công ty, có quyền tự mình tham gia các quan hệ pháp luật.

Điều 2: Mục đích thành lập Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN được thành lập nhằm mục đích:

1. Sử dụng nguồn vốn, khả năng quản lý, lao động và uy tín của các sáng lập viên, các cổ đông để tối đa hóa các nguồn lợi nhuận của Công ty, nhằm gia tăng lợi tức cho các cổ đông và tích lũy đầu tư để phát triển doanh nghiệp.
2. Thông qua quá trình hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp phục vụ ngành điện, **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN** góp phần đem lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động, phát triển địa phương, đóng góp tích cực cho ngân sách Nhà nước.

Điều 3 : Danh hiệu - Tên gọi

- Công ty lấy danh hiệu là: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN**
- Tên giao dịch quốc tế:
- Viết tắt là: (Dưới đây gọi tắt là "Công ty")

Điều 4: Chức năng và mục tiêu ngành nghề kinh doanh

A. **Chức năng hoạt động :**

- ♦ Xây dựng các công trình điện.
- ♦ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành công nghiệp điện.

B. **Mục tiêu ngành nghề kinh doanh**

- 1) Thi công xây lắp đường dây ^{tải điện} đến 220KV~~A~~ và trạm ^{biến áp} đến 110 KV~~A~~
- 2) Sản xuất trụ điện bê tông ly tâm

- 3) Sản xuất, chế tạo cơ khí, sửa chữa thiết bị điện,
- 4) Sửa chữa trung đại tu ô tô, các phương tiện cơ giới (phụ tùng 2)
- 5) Tư vấn và thiết kế điện đến 35 KVA
- 6) Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư vật tư, thiết bị điện

Điều 5: Trụ sở

- Trụ sở đăng ký chính thức của Công ty tại: 16 Âu Cơ - Phường 14 - Tân Bình - TP.HCM.

Điện thoại: 8495960 - 8425569 Fax: 8425561

- Các đơn vị trực thuộc hiện hữu khi thành lập Công ty:

- ⇒ Xưởng sản xuất; đặt tại:.....
- ⇒ Đại lý; đặt tại:.....
- ⇒ Gian hàng trưng bày hàng mẫu; đặt tại:.....

- Việc dời trụ sở của Công ty trong phạm vi TP.HCM phải được Hội Đồng Quản Trị Công ty (HĐQT) quyết định và cơ quan có thẩm quyền cho phép. Nếu dời trụ sở ra ngoài TP.HCM phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định, nơi sở tại chấp thuận và cho đăng ký theo luật định.
- Công ty được thành lập các đơn vị trực thuộc Công ty như các chi nhánh, các văn phòng đại diệntrong phạm vi cả nước và ở các nước khác nhưng phải tuân theo các quy định của pháp luật. Việc đặt các đơn vị này nếu ở ngoài TP.HCM cũng theo quy định nêu trên.

Điều 6: Nguyên tắc tổ chức hoạt động

1. Công ty XÂY LẮP ĐIỆN hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện - bình đẳng - dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty XÂY LẮP ĐIỆN là Đại hội cổ đông.
3. Đại hội cổ đông bầu Hội đồng Quản trị (HĐQT) để lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội, bầu kiểm soát viên để kiểm soát hoạt động kinh doanh của Công ty .
4. Điều hành hoạt động của Công ty XÂY LẮP ĐIỆN là Giám đốc.

Điều 7: Phạm vi và quyền hạn hoạt động kinh doanh

- ♦ Cty XÂY LẮP ĐIỆN được tổ chức hoạt động trên phạm vi TP HCM và cả nước.

- ♦ Chủ động đầu tư mở rộng quy mô và phát triển kinh doanh theo giấy phép đã đăng ký; theo khả năng của Cty **XÂY LẮP ĐIỆN** và theo nhu cầu của thị trường.
- ♦ Được phép mở rộng lĩnh vực kinh doanh trong những ngành nghề khác sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.
- ♦ Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn từ các nguồn trong và ngoài nước. Chủ động phát triển, liên doanh liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước, nhằm mục đích phát triển kinh doanh theo các quy định của pháp luật.
- ♦ Tìm kiếm thị trường, lựa chọn khách hàng, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng kinh tế với khách hàng trong và ngoài nước.

Điều 8: Nghĩa vụ của Công ty **XÂY LẮP ĐIỆN**

1. Kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký và đúng mục đích thành lập của Công ty **XÂY LẮP ĐIỆN**.
2. Tổ chức hoạt động kinh doanh nhằm bảo toàn và phát triển vốn của Công ty, tạo hiệu quả kinh tế - xã hội, củng cố và phát triển Công ty **XÂY LẮP ĐIỆN**.
3. Bảo đảm quyền lợi của cổ đông và người lao động, bảo đảm an toàn và không ngừng cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tôn trọng quyền lãnh đạo của Đảng và quyền tổ chức và hoạt động của các đoàn thể trong Công ty **XÂY LẮP ĐIỆN**.
4. Tuân thủ chế độ hạch toán, kế toán thống kê và các nghĩa vụ về thuế theo quy định của Nhà nước.
5. Bảo vệ, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự - an toàn xã hội, phòng chống các loại tệ nạn xã hội.
6. Chấp hành các quy định về chế độ tuyển dụng, hợp đồng và quản lý lao động.
7. Luôn hoàn thiện tổ chức và cung cách phục vụ, đổi mới trang thiết bị, tổ chức tiếp thị tốt để nâng cao năng lực kinh doanh và khả năng cạnh tranh lành mạnh, bảo đảm kinh doanh có hiệu quả ngày càng cao.
8. Thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường, chế độ an toàn cháy nổ.
9. Thực hiện báo cáo theo ngành và chịu sự thanh tra của pháp luật.

Điều 9: Thời gian hoạt động

Thời gian hoạt động của Công ty là **99** năm, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngoại trừ các trường hợp giải thể Công ty trước thời hạn theo luật định hoặc gia hạn thời gian hoạt động

của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phải được tiến hành đúng thủ tục quy định ở điều 22 và 23 của Luật Công ty.

CHƯƠNG II

VỐN - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

Điều 10 : Vốn điều lệ

1* Vốn điều lệ ban đầu

Vốn điều lệ của Công ty vào ngày thành lập là 6 tỷ đồng do các cổ đông của Công ty góp dưới hình thức mua cổ phiếu. Vốn điều lệ này được góp đủ một lần ngay khi phát hành cổ phiếu - trừ đối tượng cổ đông là CB.CNV của Công ty thuộc diện được mua chịu cổ phần theo chính sách Cổ phần hóa của Chính phủ.

2* Cơ cấu Vốn điều lệ ban đầu

Tổng số vốn điều lệ ban đầu: 6 tỷ đồng này đều là vốn cổ phần thường.

3* Vốn điều lệ Công ty do các cổ đông đóng góp tự nguyện, mỗi cổ đông hoàn toàn tự chịu trách nhiệm về nguồn gốc vốn đóng góp của mình. Công ty không chịu trách nhiệm về nguồn gốc vốn đóng góp của các cổ đông.

4* Hiện vật góp vốn phải phục vụ trực tiếp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Giá trị hiện vật sẽ do một tổ chức khách quan do HĐQT mời thẩm định.

5* Vốn điều lệ sử dụng cho các hoạt động:

-Mua sắm tài sản cố định và trang thiết bị cần thiết cho hoạt động kinh doanh.

-Đầu tư cho các dự án công ty quản lý.

-Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ.

-Hùn vốn, liên doanh, mua cổ phiếu.

-Các dự trữ cần thiết về động sản và bất động sản.

Điều 11: Tăng - giảm vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ có thể được điều chỉnh theo sát tình hình từng thời kỳ hoạt động của Công ty để đáp ứng yêu cầu kinh doanh và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

2. **Việc tăng hay giảm vốn điều lệ** phải do Đại hội cổ đông quyết định và tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.

3. **Tăng vốn:** khi có nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, Công ty có thể tăng vốn theo các phương thức sau đây:

- Tái đầu tư một phần hay toàn bộ lợi nhuận.
- Gợi thêm vốn cổ phần bằng cách phát hành thêm cổ phiếu mới.
- Chuyển các quỹ dự trữ - quỹ tích lũy thành vốn điều lệ.

4. **Giảm vốn:** Công ty có thể giảm vốn trong các trường hợp sau đây:

- Do số vốn quá dư, Công ty trả bớt vốn cho các cổ đông.
- Do thua lỗ, vốn bị giảm nên Công ty phải giảm vốn xuống vừa đủ để cân bằng với tài sản hiện có của Công ty.

Công ty có thể giảm vốn theo các phương thức sau đây:

- * Thu hồi một phần cổ phiếu đang lưu hành theo một tỷ lệ tương ứng giảm vốn.
- * Phát hành cổ phiếu mới và thu hồi cổ phiếu cũ. Mỗi cổ đông được quyền đổi cổ phiếu mới theo một tỷ lệ tương ứng giảm vốn :

$$\frac{\text{Số cổ phiếu cũ}}{\text{Số cổ phiếu mới}} = \frac{\text{vốn điều lệ cũ}}{\text{vốn điều lệ mới}}$$

Điều 12: Cổ phần

1. Vốn điều lệ 6 tỷ đồng được chia làm **60.000 cổ phần**.
2. Giá trị ban đầu của 01 cổ phần (mệnh giá cổ phần) là: **100.000 đồng/cổ phần**.
3. Tổng số cổ phần này thuộc loại **Cổ phần phổ thông (cổ phần thường)**
Quyền lợi và nghĩa vụ của các cổ đông nắm giữ loại cổ phần này được quy định tại các điều khoản dưới đây.

Trong thời gian Công ty hoạt động, số lượng cổ phần và giá trị cổ phần có thể tăng hay giảm, song phải có quyết định của Đại hội cổ đông.

Điều 13: Đóng góp cổ phần

1.Cơ cấu sở hữu cổ phần

SỐ TT	ĐỐI TƯỢNG	TỶ LỆ NẤM GIỮ VỐN ĐIỀU LỆ	SỐ CỔ PHẦN	TRỊ GIÁ (TỶ ĐỒNG)
1.	Cổ đông Nhà nước	20 %	12.000	1,2
2.	Cổ đông là CNVC trong ngành	70 %	42.000	4,2
3.	Cổ đông là công chúng	10 %	6.000	0,6
	TỔNG CỘNG	100 %	60.000	6,0

2. Sáng lập viên của Công ty phải đăng ký mua ít nhất 20% cổ phần dự định phát hành của Công ty
3. Sau khi được cấp giấy phép thành lập Công ty, nếu các sáng lập viên không mua hết cổ phiếu thì Công ty được công khai gọi vốn từ những người khác.
4. Việc đăng ký mua cổ phần được xác nhận bằng một tờ phiếu có chữ ký người mua hoặc của người được ủy nhiệm mua và của ít nhất một sáng lập viên. Nội dung tờ phiếu theo luật định.
5. Số tiền đã đóng góp của những người đăng ký mua cổ phần phải được gửi vào tài khoản phong tỏa tại Kho Bạc kèm theo danh sách những người mua cổ phiếu và số tiền mà mỗi người đã góp, sau đó được Ngân hàng cấp giấy chứng nhận. Số tiền này chỉ được lấy ra khi Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc sau 1 năm kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập mà Công ty không thành lập được.

Điều 14: Cổ phiếu

1* Hình thức cổ phiếu:

Việc sở hữu cổ phần được thể hiện bằng một **giấy chứng nhận sở hữu cổ phần** gọi là **cổ phiếu**. Mỗi cổ phiếu của Công ty chứng nhận sở hữu 01 (một) cổ phần. Cổ phiếu của Công ty có 2 loại:

- (a) Cổ phiếu ghi danh: là cổ phiếu của sáng lập viên, thành viên HĐQT hay Kiểm Soát Viên của Công ty và cổ phiếu của những cổ phần được mua chịu chưa đóng hết 100% mệnh giá.
- (b) Cổ phiếu không ghi danh: là cổ phiếu của các cổ đông khác và được tự do chuyển nhượng. Mỗi cổ phiếu phải được đóng dấu Công ty, ghi rõ ngày phát hành, số thứ tự cổ phiếu, loại cổ phiếu và số tiền đóng góp. Nếu cổ phiếu bị rách, mờ hay bị mất có thể xin đổi cổ phiếu mới.

2* Chuyển nhượng cổ phiếu:

- Mọi cổ đông của Công ty được tự do chuyển nhượng cổ phiếu theo qui định tại điều 12 của điều lệ này và những qui định chung của các văn bản pháp luật có liên quan.
- HĐQT cử một bộ phận chuyên trách để xem xét giải quyết việc chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông.
- Cổ phiếu ghi danh của sáng lập viên chỉ được phép chuyển nhượng sau khi có sự đồng ý của HĐQT.
- Cổ phiếu ghi danh của thành viên HĐQT hay Kiểm Soát Viên của Công ty (nếu có chức vụ trong các cơ quan này) không được phép chuyển nhượng trong suốt thời gian tại chức và trong thời hạn 2 năm, kể từ ngày thôi giữ chức.
- Cổ phiếu ghi danh của những cổ phần được mua chịu chưa đóng hết 100% mệnh giá. Cổ phiếu này chỉ được tự do chuyển nhượng sau khi đã thanh toán hết số tiền được mua chịu.
- Việc chuyển nhượng cổ phần phải được thực hiện bằng hợp đồng chuyển nhượng giữa hai bên và nộp vào văn phòng Công ty. Sau khi hoàn thành thủ tục chuyển nhượng, sở hữu chủ cổ phần phải đăng ký vào sổ lưu giữ tại Công ty.
- Khi sở hữu chủ cổ phiếu ghi danh muốn chuyển nhượng cổ phần của mình cho người thứ ba thì phải ưu tiên cho các sáng lập viên và sở hữu chủ cổ phiếu ghi danh khác. Nếu sau 30 ngày từ khi có văn bản đề nghị chuyển nhượng mà những người này không mua thì có thể tiến hành chuyển nhượng với điều kiện được HĐQT chấp thuận, nhưng với điều kiện chuyển nhượng không được thuận lợi hơn đối với các thành viên HĐQT.

3* Thừa kế cổ phiếu:

- Công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phần theo luật định. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế cổ phần thì phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục công chứng thư.
- Bất kỳ người nào được quyền thừa kế các cổ phiếu của công ty do Luật pháp hay lệnh của Tòa An hay của chính quyền theo luật định, ngay sau khi trình đủ giấy tờ chứng minh thừa kế hợp pháp sẽ:
 - * Được đăng ký làm sở hữu chủ các cổ phần được thừa kế ngay sau khi thông báo bằng văn bản cho công ty biết mình có nguyện vọng như thế.

- * Chuyển nhượng các cổ phiếu này cho người khác, ngay sau khi cung cấp đầy đủ giấy tờ chứng minh quyền sở hữu mà các thành viên HĐQT yêu cầu.

4* Phát hành cổ phiếu mới:

- Khi hội đủ các điều kiện theo luật định, căn cứ theo quyết nghị của Đại Hội Đồng Cổ đông, Công ty sẽ làm các thủ tục xin cơ quan có thẩm quyền cho phép phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu nhằm huy động vốn cho Công ty.
- Việc gia tăng tổng số vốn điều lệ sẽ thể hiện bằng những cổ phiếu mới mà số lượng tỷ lệ với số cổ phiếu hiện hữu, trừ khi có sự thỏa thuận khác của Đại Hội Đồng Cổ đông và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp nhận.
- Cổ phiếu chưa phát hành - còn trong hạn mức được cấp giấy phép phát hành - chỉ được phát hành tiếp khi phải tuân theo các quy định dưới đây:
 - (a) Số lượng cổ phiếu mới của mỗi đợt phát hành tỷ lệ với số cổ phiếu hiện hữu.
 - (b) Cổ phiếu phải phát hành cùng một giá bán, cùng thời hạn thanh toán, cùng hạng-loại hưởng cổ tức và các mặt khác của cổ phiếu cũ.
 - (c) Tuân thủ theo các điều kiện do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 15: Cổ đông

1. **Cổ đông** là những người góp vốn vào Công ty để đổi lấy cổ phần của Công ty, là người sở hữu một phần tài sản của Công ty tương ứng với số cổ phần được nắm giữ.
2. Công ty sẽ giữ tại trụ sở chính một Sổ đăng ký các Cổ đông và số cổ phần đang nắm giữ. Bản sao sổ này được lưu trữ tại Phòng Công Chứng và Cơ quan Đăng ký kinh doanh. Cổ đông được công nhận chính thức khi được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông giữ tại Công ty.
3. Cổ đông của Công ty có thể là những cá nhân hoặc pháp nhân có đủ điều kiện góp vốn đầu tư vào Công ty theo luật định.
4. Trong suốt thời gian hoạt động Công ty luôn có tối thiểu là 7 cổ đông.
5. **Cổ đông của Công ty gồm 2 loại:**
 - Cổ đông nắm giữ Cổ phần phổ thông (cổ phần thường)

- Cổ đông sáng lập (còn gọi là sáng lập viên) là cổ đông Nhà nước sáng lập công ty cổ phần XÂY LẮP ĐIỆN và được ghi tên trong Điều lệ công ty khi thành lập công ty.

6. Người đại diện cổ đông và người được cử làm đại diện:

- a. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông pháp nhân Doanh nghiệp Nhà nước là Chủ tịch HĐQT hoặc Ban Tổng giám đốc hoặc Giám đốc hoặc là thành viên HĐQT, nếu có giấy đề cử hợp lệ.

Đối với các pháp nhân khác: là người đại diện hợp pháp của các pháp nhân đó.

- b. Người đại diện (nêu tại khoản a – điểm 6 - điều 15) có thể cử người có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó làm đại diện cho mình tại công ty.
- c. Cổ đông thể nhân có thể cử người khác tại Việt Nam có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó làm đại diện cho mình tại công ty.
- d. Cổ đông pháp nhân muốn thay thế người đại diện phải có văn bản do người đại diện pháp nhân nói tại khoản a – điểm 6 - điều 13 ký tên và gửi HĐQT công ty.
 - Trường hợp cổ đông pháp nhân được sáp nhập, hợp nhất hoặc được kế thừa quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ thì cổ đông pháp nhân mới phải gửi cho HĐQT công ty cổ phần XÂY LẮP ĐIỆN các văn bản pháp lý về sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế.
 - Trong trường hợp pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc thể nhân khác.
- e. Cổ đông thể nhân muốn thay đổi người đại diện phải trực tiếp làm văn bản gửi HĐQT công ty. Trường hợp một người đại diện một nhóm cổ đông thì chủ tịch HĐQT chỉ chấp nhận cho thay thế khi có số người đại diện cho 2/3 số cổ phiếu trong nhóm có văn bản đề nghị.

Điều 16: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của mỗi Cổ đông nói chung

1* Những quyền cơ bản:

- a) Được tham dự Đại hội đồng cổ đông, tham gia thảo luận các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- b) Được quyền yêu cầu cung cấp - nếu chưa được nhận - những thông tin định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động của Công ty, tình hình tài chính và quản trị công ty. Được quyền kiểm tra việc thực hiện Điều lệ của Công ty.

- c) Được ưu tiên mua trái phiếu và cổ phiếu mới của Công ty phát hành về sau này theo thể thức do Hội Đồng Quản Trị quy định cụ thể cho mỗi lần phát hành.
- d) Được phép ủy quyền cho cổ đông khác hoặc người khác không phải là cổ đông, để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình bằng một giấy ủy quyền hợp lệ theo điều 21 quy định dưới đây.

2* Những nghĩa vụ cơ bản:

- a) Góp đủ vốn theo số cổ phiếu đã đăng ký mua.
- b) Tham gia xây dựng và chấp hành bản Điều lệ của Công ty, các quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.
- c) Bảo vệ tài sản, các lợi ích của Công ty và giữ các bí mật kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của HĐQT.
- d) Tham gia chịu trách nhiệm về những khoản nợ của Công ty trong phạm vi số vốn đã tham gia mua cổ phiếu.
- e) Sự vỡ nợ hay can án của cổ đông không làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhưng phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Công ty.
- f) Không được rút vốn dưới bất kỳ hình thức nào, ngoài hình thức chuyển nhượng cổ phần theo qui định của Điều lệ công ty.

Điều 17 : Những quyền và nghĩa vụ của Cổ đông nắm giữ Cổ phần phổ thông (cổ phần thường) - (gọi tắt :cổ đông thường)

Ngoài những quyền và nghĩa vụ cơ bản nêu trên, Cổ đông thường còn có những quyền và nghĩa vụ đều tương ứng với số cổ phần sở hữu như sau:

1. Được chia cổ tức (lợi tức trên mỗi cổ phần) hoặc chịu một phần lỗ tương ứng với số cổ phần sở hữu, **tùy theo kết quả kinh doanh** của Công ty qua mỗi kỳ tổng kết quyết toán niên khóa và tùy theo quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về các phương án phân phối lợi nhuận hằng năm.
2. Được quyền biểu quyết tại các Đại hội đồng cổ đông. **Số phiếu biểu quyết được tính theo số cổ phần sở hữu.**
3. Mọi cổ đông thường và cổ đông sáng lập đều có quyền ứng cử, đề cử và có thể được bầu vào HĐQT hoặc Kiểm Soát Viên Công ty.
4. Nhóm cổ đông thường đại diện cho ít nhất **1/4 vốn điều lệ** có quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để xem xét và giải quyết những việc mà HĐQT và Giám đốc không thực hiện. Trong trường hợp này HĐQT và Giám đốc phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông chậm nhất sau 30 ngày, kể từ ngày nhóm cổ đông này đưa ra yêu cầu bằng văn bản.

5. Trong trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản thì những cổ đông thường là **đối tượng sau cùng được chia số tài sản còn lại** (nếu có) tỷ lệ theo số cổ phần đang sở hữu.
6. Mỗi cổ đông thường là **cá nhân** được nắm giữ tối đa **1%** vốn điều lệ và nếu là **pháp nhân** được nắm giữ tối đa **10%** vốn điều lệ Công ty – trừ cổ đông Nhà nước là cổ đông sáng lập.
7. Ủy quyền từng lần cho người khác tham dự Đại hội cổ đông, người được ủy quyền tham dự không được ứng cử với tư cách của chính mình.

Điều 18: Những quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sáng lập

1. Cổ đông sáng lập là những cổ đông có công lao đề xuất ý định đầu tư theo mục tiêu kinh doanh đã nêu ở điều 5 nói trên và đã nỗ lực vận động thành lập Công ty.
2. Ngoài những quyền và nghĩa vụ như Cổ đông nắm giữ Cổ phần phổ thông (cổ phần thường), Cổ đông sáng lập còn được hưởng những quyền và nghĩa vụ:
 - a) Cùng nhau mua ít nhất 20% vốn điều lệ ban đầu của Công ty.
 - b) Phải nắm giữ các cổ phần dưới hình thức Cổ phiếu ghi danh và chỉ được chuyển nhượng sau khi Công ty hoạt động ít nhất **5** năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy đăng ký kinh doanh.
 - c) Tham dự Đại hội cổ đông, bỏ phiếu, biểu quyết mà không bị phụ thuộc vào số cổ phiếu bắt buộc phải có để được tham dự (với điều kiện cổ đông đó phải còn sở hữu ít nhất 1 cổ phiếu của công ty).
 - d) Được mời vào Ban tư vấn Công ty, nếu Cổ đông sáng lập nào không là thành viên HĐQT, Kiểm Soát Viên hay Ban Tổng Giám Đốc Công ty.
 - e) Ứng cử chức danh HĐQT mà bị phụ thuộc vào qui định số cổ phiếu bắt buộc phải có đối với thành viên HĐQT (với điều kiện cổ đông đó phải còn sở hữu ít nhất 1 cổ phiếu của công ty).

CHƯƠNG III

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 19: Các Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất trong Công ty, gồm:

A. Đại hội đồng cổ đông thành lập

1. Đại hội đồng thành lập được triệu tập để tiến hành các thủ tục thành lập, thảo luận và thông qua Điều lệ Công ty
2. Đại hội đồng thành lập được tiến hành khi:
 - a) Số cổ phiếu dự tính phát hành đã được đăng ký mua hết và có số người đăng ký mua cổ phiếu đại diện cho ít nhất 3/4 số vốn điều lệ của Công ty tham dự.
 - b) Những người đăng ký mua cổ phiếu đã đóng góp đủ vốn tương ứng theo số cổ phiếu đã đăng ký mua.
3. Tại Đại hội đồng thành lập, biểu quyết theo đa số phiếu quá bán.
4. Đại hội cổ đông đầu tiên có nhiệm vụ:
 - a) Thông qua điều lệ, phương hướng hoạt động kinh doanh.
 - b) Bầu Hội đồng quản trị.
 - c) Quyết định về bộ máy tổ chức và Giám đốc điều hành.
 - d) Thông qua các chương trình và ấn định thời gian hoàn tất các điều kiện và hồ sơ xin cấp giấy phép hoạt động.

C. Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Đại hội đồng bất thường được triệu tập để xem xét và giải quyết các vấn đề đặc biệt sau đây nếu chưa đến kỳ họp Đại hội thường niên :
 - a) Sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Điều lệ Công ty,
 - b) Tuyên bố phá sản hoặc quyết định thanh lý-giải thể Công ty.
 - c) Các thay đổi lớn, đột biến trong Công ty.
 - d) Bãi miễn hoặc bầu bổ sung thành viên HĐQT, kiểm soát viên.
2. Đại hội đồng bất thường được triệu tập khi có yêu cầu:
 - a. Của nhóm cổ đông đại diện cho ít nhất 1/4 số vốn điều lệ.
 - b. Hoặc của Hội Đồng Quản Trị.
 - c. Hoặc của Kiểm Soát Viên Công ty.
3. Đại hội đồng bất thường phải có sự hiện diện của nhóm cổ đông đại diện cho ít nhất 3/4 số vốn điều lệ thì Đại hội mới hợp lệ. Nếu không đạt túc số thì triệu tập lần thứ hai theo **điều 20** dưới đây.

C. Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Đại hội đồng thường niên do Chủ tịch HĐQT triệu tập mỗi năm một kỳ khi kết thúc mỗi năm tài chính hoặc bất kỳ lúc nào mà HĐQT hoặc kiểm soát viên thấy cần thiết .
2. Đại hội đồng thường niên giải quyết các công việc hoạt động kinh doanh của Công ty trong khuôn khổ Điều lệ, bao gồm các việc chủ yếu sau đây:
 - a) Quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển Công ty và kế hoạch hàng năm;
 - b) Thảo luận và thông qua các báo cáo tài chính tổng kết cuối năm, các báo cáo phúc trình, cùng các tài liệu khác có liên quan của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và kiểm soát viên.
 - c) Xem xét , quyết nghị việc tăng-giảm vốn và mệnh giá cổ phiếu;
 - d) Bầu , bãi miễn thành viên HĐQT và kiểm soát viên;
 - e) Quyết định phân phối số lợi nhuận của Công ty: trích lập các Công ty, chia lợi nhuận cho các cổ đông, công bố cổ tức. Xác định và phân chia trách nhiệm về các thiệt hại xảy ra đối với Công ty trong kinh doanh;
 - f) Quyết định biện pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Công ty;
 - g) Tiến cử, bầu cử hoặc bãi miễn các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc , kiểm soát viên của Công ty;
 - h) Quyết định chế độ thù lao, quyền lợi và chế tài các sai phạm của những thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc, kiểm soát viên gây thiệt hại Công ty;
 - i) Phê chuẩn các quyền hạn của HĐQT , của Ban Tổng Giám Đốc về các vấn đề: quan hệ tín dụng, chào giá, kết ước, phát hành và phân phối chứng khoán.....
 - j) Quyết định gia hạn hoặc giải thể Công ty trước thời hạn.
 - k) Quyết định các vấn đề khác.
3. Đại hội cổ đông thường niên là hợp lệ khi có số cổ đông hiện diện:
 - a) Đại diện ít nhất 3/4 vốn điều lệ: triệu tập lần đầu.
 - b) Nếu không đạt túc số thì triệu tập lần 2 theo điều 20 dưới đây.

Điều 20 : Triệu tập Đại hội

1. Việc triệu tập Đại hội đồng thường niên hoặc bất thường, nếu lần thứ nhất không đạt túc số cần thiết thì triệu tập lần thứ hai, Đại hội vẫn tiến hành hợp lệ, không cần phải xét đến túc số và giữ nguyên chương trình nghị sự.
2. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trực tiếp đến các cổ đông bằng văn thư trước ít nhất 15 ngày và đăng 3 lần trên ít nhất một nhật báo có phạm vi phát hành toàn quốc, mỗi lần cách nhau 2 ngày và lần chót phải trước ngày họp 7 ngày.
3. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải ghi rõ địa điểm, ngày giờ họp, chương trình nghị sự và luôn có một câu nhắc nhở: *" Cổ đông nào có quyền biểu quyết nếu không tham dự được thì có quyền chỉ định một đại diện tham dự và biểu quyết. Người đại diện không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty "*.
4. Trong trường hợp có những vấn đề đặc biệt, thông báo còn phải ghi rõ tính chất tổng quát của vấn đề cần được giải quyết và các ý kiến đề xuất tại Đại hội đó quyết nghị.

Điều 21 : Tổ chức Đại hội đồng cổ đông

1. Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông và lập danh sách cổ đông hiện diện (có ghi loại cổ phần được biểu quyết, số cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện).
2. Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền hợp lệ là người chủ tọa Đại hội đồng cổ đông. Trong Đại hội đồng thành lập, đại diện sáng lập viên là chủ tọa. Đại hội đồng cổ đông do Kiểm soát viên triệu tập thì Kiểm Soát Viên chủ tọa.
3. Chủ tọa thông qua Đại hội đồng cổ đông bầu thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu. Tiêu chuẩn ban kiểm phiếu do Đại hội đồng thông qua.
4. Đại hội đồng cổ đông phải có biên bản và được ghi chép vào sổ biên bản, có chữ ký của Chủ tọa, thư ký và hai kiểm phiếu viên sau phiên họp. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc hai quản trị viên hoặc kiểm soát viên thì mới có giá trị.

Điều 22 : Biểu quyết

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua Đại hội bằng biểu quyết theo nguyên tắc: ***phải đạt trên 2/3 vốn điều lệ trừ các điều khoản khác đã quy định.***
2. Trường hợp khi biểu quyết số phiếu bằng nhau thì chủ tọa được quyền bỏ lá phiếu thứ hai để quyết định.

3. Việc thực hiện biểu quyết tại Đại hội được thực hiện trên nguyên tắc công khai, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Trừ những vấn đề không quan trọng, chủ tọa có thể lấy ý kiến của Đại hội bằng hình thức "giơ tay", nếu không có sự phản đối của **bất kỳ cổ đông nào**.
4. Mỗi cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, khi biểu quyết được tính số phiếu bằng số cổ phần mà họ sở hữu và đại diện.
5. Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với mọi cổ đông, kể cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.
6. Mọi khiếu nại về kết quả biểu quyết chỉ được xem xét tại Đại hội, không được phản đối tính cách hợp lệ của các cuộc biểu quyết này vào bất cứ lúc nào, nơi nào khác.

Điều 23: Đại diện theo ủy quyền

1. Người đại diện theo ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
2. Việc cử người đại diện phải thể hiện bằng văn bản theo hình thức được HĐQT chấp thuận.
3. Văn bản này nhằm xác nhận quyền hạn của người đại diện khi người này dựa vào lập trường của mình để bỏ phiếu lựa chọn các quyết định các cuộc họp HĐQT, Kiểm Soát Viên hoặc Đại hội đồng cổ đông. Sự ủy quyền có thể thực hiện từng lần, từng việc hoặc ủy quyền thường xuyên.
4. Văn bản chỉ định người đại diện phải do người ủy quyền hoặc người thừa ủy hợp pháp của người ủy nhiệm ký. Nếu bên ủy quyền là một cá nhân hoặc *một tập thể không có tư cách pháp nhân* thì sự ủy quyền đó *phải có xác nhận của cơ quan công chứng*. Nếu bên ủy quyền là một tổ chức có tư cách pháp nhân thì văn bản phải do người có thẩm quyền hợp pháp của tổ chức đó ký tên, đóng dấu và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền đó.
5. Người ký giấy ủy quyền có thể thay đổi hoặc thu hồi sự ủy quyền bằng một thông báo gửi trực tiếp cho HĐQT.

CHƯƠNG IV

QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

Điều 24: Cơ cấu quản lý và kiểm soát Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát Công ty gồm có:

- Hội Đồng Quản Trị.
- Ban Giám đốc.
- Kiểm soát viên.

Điều 25: Quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT

1.* HĐQT là cấp quản lý có thẩm quyền cao nhất của Công ty giữa hai kỳ đại hội. HĐQT do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt Đại hội đồng cổ đông và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Chủ tịch HĐQT là người đại diện Công ty trước pháp luật.

2.* HĐQT khi hành xử công việc của mình phải chấp hành Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và luật pháp Việt Nam. HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về mọi hậu quả do quyết định của HĐQT - nhất là những sai phạm trong quản lý, vi phạm Điều lệ, vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho Công ty.

3.* **Trách nhiệm của HĐQT:** thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây để trình Đại hội đồng thường niên hoặc bất thường quyết định:

- a) Đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ khi xét thấy cần thiết.
- b) Đề xuất kế hoạch kinh doanh hàng năm; phương hướng chiến lược đầu tư phát triển Công ty; các chương trình tham gia liên kết, liên doanh, hợp tác đầu tư với nước ngoài; các dự án đầu tư hoặc thay đổi lĩnh vực hoạt động của Công ty.
- c) Báo cáo phúc trình hoạt động trong năm, các báo cáo tài chính tổng kết cuối năm, cùng các tài liệu khác có liên quan của HĐQT, Ban Giám Đốc và kiểm soát viên.
- d) Giải trình nhu cầu và luận chứng việc tăng-giảm vốn, thay đổi mệnh giá cổ phiếu; các phương án phát hành trái phiếu, cổ phiếu để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của Nhà nước;
- e) Đề xuất tiến cử, bầu cử, bãi miễn thành viên HĐQT và kiểm soát viên;
- f) Chuẩn bị các phương án phân phối lợi nhuận của Công ty: trích lập các Công ty, chia cổ tức cho các cổ đông, công bố cổ tức.
- g) Xác định và phân chia trách nhiệm về các thiệt hại xảy ra đối với Công ty trong kinh doanh;

- h) Đề xuất các biện pháp khắc phục những biến động lớn về tài chính Công ty;
- i) Kiến nghị chế độ thù lao, các quyền lợi và khen thưởng, chế tài các sai phạm của những thành viên HĐQT. Ban Giám Đốc, kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty;
- j) Dự thảo các quy chế cụ thể hoá những quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT , của Ban Tổng Giám Đốc về các vấn đề : quan hệ tín dụng, chào giá, kết ước, phát hành và phân phối chứng khoán.....
- k) Quyết định gia hạn hoặc giải thể Công ty trước thời hạn.
- l) Các vấn đề có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong Công ty, Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm mời đại diện tổ chức Công đoàn đến dự. Các đại diện này có quyền phát biểu nhưng không tham gia biểu quyết; khi phát hiện thấy các nghị quyết và quyết định của HĐQT có phương hại đến lợi ích của người lao động trong Công ty thì có quyền kháng nghị bằng văn bản đến HĐQT.

4.* Quyền hạn của HĐQT

- a) Bổ nhiệm hay bãi miễn chức danh Giám đốc. Đôn đốc, kiểm tra Giám đốc trong việc thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và việc chấp hành Điều lệ Công ty.
- b) Bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm người đại diện Công ty được cử vào các doanh nghiệp khác có vốn góp của Công ty .
- c) Thông qua quy chế lao động, tiền lương, phụ cấp, thưởng phạt và các chế độ phúc lợi trong Công ty trên cơ sở pháp luật. Quyết định về biên chế bộ máy quản lý, về phương án nhân sự của Công ty và những điều chỉnh khi cần thiết theo đề nghị của Giám đốc.
- d) Quyết định mở hoặc đóng cửa các đại lý, văn phòng đại diện, chi nhánh trong nước và nước ngoài của Công ty (nếu có); theo thủ tục qui định của pháp luật hiện hành.
- e) Ban hành và giám sát việc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong Công ty, theo đề nghị của Giám đốc.
- f) Quyết định chuyển nhượng, trao đổi, mua bán, thế chấp hoặc cầm cố các động sản hoặc bất động sản để vay mượn vốn hoạt động vì lợi ích của Công ty; theo phân cấp quyền hạn tài chính tại điều 35 dưới đây.

- g) Quyết định việc sử dụng vốn dư thừa tạm thời nhàn rỗi dưới các hình thức mua trái phiếu, cổ phiếu của các công ty khác hoặc cho các doanh nghiệp khác vay ngắn hạn.
- h) Tổ chức việc phát hành trái phiếu, cổ phiếu đúng theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép.
- i) Thông qua các báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính của Công ty hàng quý, hàng 6 tháng, và hàng năm.
- j) Xem xét và quyết định việc chuyển nhượng các cổ phiếu có ghi danh.
- k) Triệu tập, chuẩn bị nội dung và tổ chức các Đại hội đồng cổ đông.
- l) Quyết định việc kiện tụng và theo dõi kết quả của mọi tranh chấp của Công ty.

5.* HĐQT không được phép - trực tiếp hay gián tiếp - cho vay hay cho mượn tài sản Công ty để thế chấp hoặc bảo lãnh nợ cho các đối tượng:

- a) Cổ đông của Công ty
- b) Những người trong HĐQT, Ban Giám Đốc, Kiểm Soát Viên của Công ty.
- c) Những doanh nghiệp khác mà một hay nhiều chủ doanh nghiệp đó đang là Cổ đông của Công ty này.

Điều 26: Thành viên HĐQT

1* Cơ cấu HĐQT Công ty gồm có 5 thành viên (quản trị viên):

- Chủ tịch HĐQT.
- 1 Phó Chủ tịch HĐQT
- 3 Ủy viên HĐQT là người chịu trách nhiệm theo dõi từng mặt hoạt động của HĐQT.

Các cổ đông ứng cử vào thành viên HĐQT phải có tối thiểu các tiêu chuẩn sau:

- a) Sở hữu cổ phần thường của Công ty;
- b) Có đủ năng lực pháp lý, không can án;

2. Chủ tịch HĐQT và các Phó chủ tịch HĐQT giúp việc cho Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra.

3. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm chức danh Giám đốc Công ty. Nếu Chủ tịch HĐQT kiêm chức danh Giám đốc và trong trường hợp vắng mặt, Chủ tịch HĐQT phải :

- a) Ủy quyền cho một Phó chủ tịch hành xử chức năng Chủ tịch HĐQT đảm trách việc điều hành các phiên họp HĐQT
- b) Ủy quyền cho một quản trị viên khác hành xử chức năng thay mặt Giám đốc thực hiện các quyết định của HĐQT và đảm trách việc điều hành các hoạt động thường ngày của Công ty, trong phạm vi được ủy quyền.

Tất cả các thành viên HĐQT còn lại không được kiêm nhiệm bất kỳ một chức vụ nào khác trong Công ty.

4. Thành viên trong HĐQT của Công ty được Đại hội đồng cổ đông giao phó nhiều quyền hạn rộng rãi vì vậy mỗi thành viên HĐQT phải tự chịu trách nhiệm cùng với tập thể HĐQT ở mức độ cao nhất với những nhiệm vụ, bốn phạm sau đây:

- a. Quản lý hoạt động của Công ty với tinh thần trách nhiệm đúng mức.
- b. Gắn bó, quan tâm đối với mọi hoạt động của Công ty .
- c. Hành xử các quyền hạn được giao phó, với tư cách là một thành viên HĐQT, theo bản Điều lệ này, để đạt được các mục tiêu mà Công ty đề ra.
- d. Không được đặt mình vào vị thế làm hạn chế khả năng của bản thân trong việc thực hiện các bốn phạm lương thiện, chí công, vô tư, hoặc với vị thế gây mâu thuẫn giữa lợi ích của Công ty và lợi ích cá nhân. Thành viên HĐQT không được lợi dụng chức vụ để hưởng những lợi thế cá nhân về tài chánh - hoặc có hành động làm thiệt hại lợi ích của Công ty-hoặc chiếm đoạt các cơ hội kinh doanh đã thuộc về Công ty.
- e. Không được hành động vượt quá các quyền hạn của Công ty hay của HĐQT như qui định trong bản Điều lệ này.

5. Thành viên trong HĐQT chịu trách nhiệm tập thể và cá nhân trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Chủ tịch HĐQT và các thành viên khác của HĐQT nếu có vi phạm các qui định của Công ty hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao, quyết định sai hoặc vượt thẩm quyền gây phương hại lợi ích, gây thiệt hại về vốn, tài sản; gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Công ty, thì tùy theo mức độ nặng hay nhẹ mà xử lý hành chính, bồi thường thiệt hại hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo qui định của pháp luật.

- 8
6. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên HĐQT cũng được hoàn lại các chi phí hợp lý để trang trải các chi phí đi dự các phiên họp HĐQT, hoặc đi công tác cho Công ty.
 7. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là 03 năm và có thể tái cử. Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn chức danh quản trị viên và bầu bổ sung quản trị viên khác thay thế cho đến hết nhiệm kỳ.
 8. Giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông, nếu có sự khiếm khuyết số thành viên HĐQT thì HĐQT phải cử một cổ đông làm quản trị viên lâm thời thay thế và phải trình ra Đại hội đồng cổ đông kế tiếp để quyết định.
 9. Quản trị viên bị mất tư cách thành viên HĐQT trong những trường hợp:
 - A. *Các trường hợp đương nhiên bị mất tư cách thành viên HĐQT:*
 - a) Bị mắc bệnh tâm thần : mất trí, loạn trí...
 - b) Mất năng lực pháp lý: phạm tội, đang bị truy tố hoặc bắt giam;
 - c) Các trường hợp khác mà luật pháp hoặc cơ quan có thẩm quyền cấm không cho giữ chức thành viên HĐQT.
 - B. *Các trường hợp phải có quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông cách chức hoặc bãi nhiệm:*
 - a) Quản trị viên xin từ chức;
 - b) Quản trị viên không đủ khả năng đảm nhiệm công việc để hoàn thành nhiệm vụ; hay vi phạm các quy định trong bản Điều lệ này theo đề nghị của ít nhất 2/3 số thành viên HĐQT đương nhiệm.
 10. Sau khi đại hội cổ đông đầu tiên, những người được bầu các chức danh Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên Hội Đồng quản trị được triển khai và hoàn tất những việc của Ủy ban trừ bị thành lập công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những công việc đó. Các chức danh này có hiệu lực pháp lý khi được cơ quan nhà nước chuẩn y.
 11. Chủ tịch HĐQT, Phó chủ tịch HĐQT muốn từ nhiệm chức danh hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay thế người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT phải có đơn, văn bản gửi đến HĐQT công ty. Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, HĐQT họp để xem xét và quyết định.
- Các thành viên HĐQT muốn từ nhiệm phải có đơn gửi đến HĐQT để trình Đại hội cổ đông g6àn nhất quyết định.

12. Trường hợp Chủ tịch HĐQT đương nhiệm đương nhiên bị mất tư cách thì Phó Chủ tịch đảm nhiệm công việc của chủ tịch cho đến khi chủ tịch mới được bầu.

Trường hợp cả chủ tịch và phó chủ tịch đương nhiên bị mất tư cách thì các thành viên HĐQT còn lại phải cử ngay một người đảm nhiệm công việc của Chủ tịch, triệu tập Đại hội cổ đông để bầu đủ số thành viên HĐQT.

Điều 27: Hoạt động của HĐQT

1. HĐQT họp định kỳ 01 tháng một lần, tại trụ sở chính của Công ty.
2. HĐQT có thể họp bất thường do yêu cầu của:
 - a) Ít nhất 2/3 thành viên HĐQT
 - b) Hay của Giám đốc Công ty.
 - c) Hay của Kiểm soát viên.

1. Các phiên họp do Chủ tịch HĐQT triệu tập và làm chủ tọa, nếu Chủ tịch HĐQT vắng mặt có thể ủy quyền cho một Phó chủ tịch HĐQT thay thế. Nếu Chủ tịch và các Phó chủ tịch HĐQT đều vắng mặt thì các quản trị viên khác có thể chọn một người trong số đó làm chủ tọa cuộc họp.
2. Phiên họp của HĐQT phải hiện diện từ 2/3 số thành viên trở lên mới hợp lệ.
3. HĐQT làm việc theo chế độ tập thể lãnh đạo, mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết ngang nhau. HĐQT biểu quyết theo nguyên tắc đa số quá bán thành viên hiện diện. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì bên nào có phiếu của chủ tọa sẽ là quyết định cuối cùng.
4. Các tài liệu họp HĐQT phải gửi đến các thành viên HĐQT trước ngày họp 3 ngày và có nội dung theo đúng chương trình nghị sự.
5. Các nội dung và kết luận của các phiên họp HĐQT đều phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản họp HĐQT có tất cả thành viên hiện diện, chủ tọa và thư ký dự họp cùng ký tên. Các bản sao biên bản phải có chữ ký của chủ tọa phiên họp.
6. Chủ tịch HĐQT được thay mặt HĐQT để ký ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và quyết định một số vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với mọi hậu quả từ các quyết định trên. Các thành viên khác của HĐQT chỉ được thay mặt HĐQT nếu có sự ủy nhiệm của HĐQT hoặc của Chủ tịch HĐQT.

7. HĐQT được quyền sử dụng từ 1 chuyên viên hoạt động chuyên trách, để giúp việc cho các thành viên HĐQT; mọi chi phí cho hoạt động của HĐQT được tính vào quản lý phí của Công ty .

Điều 28: Người đại diện Quản trị viên

1. Trừ Chủ tịch HĐQT, các Quản trị viên khác khi vắng mặt tại các cuộc họp có thể ủy quyền cho một người khác có thể không phải là một quản trị viên, hoặc thậm chí có thể không phải là cổ đông của Công ty.
2. Việc ủy quyền hoặc thu hồi ủy quyền phải bằng văn bản gửi trước phiên họp.
3. Mỗi quản trị viên chỉ được đại diện cho một quản trị viên vắng mặt và được biểu quyết bằng 2 phiếu - một của người ủy quyền và một của chính mình .
4. Người đại diện Quản trị viên khi thụ nhận sự ủy quyền để hoạt động thay Quản trị viên trong HĐQT đều phải chịu sự chi phối về mọi phương diện theo các quy định chung của điều lệ này.
5. Người đại diện Quản trị viên được hành xử mọi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quản trị viên mà mình đại diện. Chữ ký của người đại diện Quản trị viên trên các văn bản có liên quan đến sự ủy quyền đều phải ghi rõ câu: "Thừa ủy quyền" và có hiệu lực ngay khi Quản trị viên ký giấy ủy quyền, trường hợp trong giấy ủy quyền quy định ngược lại.
6. Người đại diện Quản trị viên đương nhiên bị mất tư cách đại diện khi:
 - a) Quản trị viên thu hồi sự ủy quyền.
 - b) Bị mắc bệnh tâm thần : mất trí, loạn trí...
 - c) Vi phạm các quy định trong bản Điều lệ này;
 - d) Mất năng lực pháp lý: phạm tội, đang bị truy tố hoặc bắt giam.

Điều 29 : Bộ máy điều hành Công ty

1- Bộ máy điều hành Công ty , gồm có :

- a) **Giám đốc** là người có **quyền điều hành** cao nhất trong Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Công ty, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Công ty và thi hành các quyết nghị, quyết định của HĐQT theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
- b) Giúp việc cho Giám đốc có một Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và bãi - miễn nhiệm. Phó Giám đốc được Giám đốc phân công và ủy

nhiệm quản lý, điều hành một hoặc một số lãnh vực hoạt động của Công ty. Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc và cùng chịu trách nhiệm liên đới với Giám đốc trước HĐQT về các phần việc được phân công hoặc ủy nhiệm.

- c) Các Trưởng-Phó Phòng, Ban nghiệp vụ và các Trưởng đơn vị trực thuộc có chức năng tham mưu giúp việc Giám đốc trong quản lý điều hành công việc.
- 2. Lương và phụ cấp của Giám đốc, Phó Giám đốc do HĐQT ấn định theo quy chế lao động, tiền lương, phụ cấp, thưởng phạt trong Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT quyết nghị.

Điều 30: Giám đốc

- 1. Giám đốc thay mặt Công ty trong mọi hoạt động giao dịch với các cơ quan Nhà nước và các đơn vị kinh tế đối tác khác. Nhưng Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp nhân của Công ty chịu trách nhiệm cuối cùng trước pháp luật về toàn bộ các hoạt động của Công ty.
- 2. Giám đốc Công ty do HĐQT bổ nhiệm và ủy nhiệm các quyền hạn cần thiết để thi hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quyết định của HĐQT.
- 3. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Giám đốc thì HĐQT có thể bổ nhiệm Giám đốc từ một người trong số thành viên HĐQT hoặc thuê người khác - ngoài quản trị viên, nhưng nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- 4. Không kiêm nhiệm chức vụ điều hành tổ chức sản xuất kinh doanh dịch vụ khác nhằm xây dựng một bộ máy chuyên trách, có nghiệp vụ mạnh.
- 5. Giám đốc và các Phó Giám đốc có thể bị cách chức hoặc được bãi nhiệm trong các trường hợp:
 - a) Không hoàn thành kế hoạch kinh doanh, gây thua lỗ liên tục **hai (02)** năm
 - b) Điều hành Công ty vi phạm pháp luật, điều lệ của Công ty và các quyết nghị của HĐQT, của Đại hội đồng cổ đông.
 - c) Xin từ chức;
 - d) Xét thấy không đủ kiến thức, năng lực quản trị để đảm nhiệm các chức vụ điều hành Công ty.
 - e) Bị mắc bệnh tâm thần : mất trí, loạn trí...
 - f) Mất năng lực pháp lý: phạm tội, đang bị truy tố hoặc bắt giam;

g) Các trường hợp khác mà luật pháp hoặc cơ quan có thẩm quyền cấm không cho giữ các chức vụ điều hành doanh nghiệp .

Việc cách chức, bãi miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc phải có sự nhất trí của trên 2/3 thành viên HĐQT.

6. Khi Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT họp xem xét và quyết định.
7. Giám đốc đương nhiên bị mất tư cách theo khoản 5 điều 30 của bản điều lệ này. HĐQT có nhiệm vụ cử ngay một người có đủ các điều kiện qui định tại điều 30 bản điều lệ này đảm nhiệm cương vị giám đốc.

Điều 31 : Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám Đốc

Giám Đốc có những nhiệm vụ, quyền hạn do HĐQT quy định và gồm những nội dung cơ bản cụ thể như sau:

- 1- Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch, chương trình hoạt động và các phương án bảo vệ, cạnh tranh, khai thác nguồn lực của Công ty để đệ trình HĐQT phê duyệt. Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện và ban hành các quyết định điều hành toàn bộ hoạt động theo các chương trình, kế hoạch, phương án đã được phê duyệt.
- 2- Xây dựng và đệ trình HĐQT quy chế định giá bán hàng hóa, dịch vụ của Công ty - các chính sách đầu tư của Công ty nhằm hạn chế rủi ro, với những tiêu chuẩn phù hợp theo điều kiện kinh tế từng thời kỳ.
- 3- Tổ chức xét duyệt, thẩm định và đệ trình HĐQT phê duyệt kế hoạch đầu tư gián tiếp (mua cổ phiếu, trái phiếu), hoặc đầu tư trực tiếp vào các dự án hợp tác đầu tư với các bên trong và ngoài nước bằng nguồn vốn do Công ty quản lý.
- 4- Xây dựng và đệ trình HĐQT ban hành hoặc được ủy nhiệm ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật, các tiêu chuẩn đầu tư, đơn giá và định mức trong xây dựng chuyên ngành, giá cả nguyên liệu vật tư và giá dịch vụ trong nội bộ Công ty. Thực hiện và kiểm tra các Phòng ban, các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện các quyết định về định mức, tiêu chuẩn, đơn giá.....
- 5- Xây dựng và thực hiện quy chế lao động, tiền lương, phụ cấp, thưởng phạt và các chế độ phúc lợi trong Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT quyết nghị;
- 6- Xây dựng và đệ trình HĐQT duyệt biên chế bộ máy quản lý Công ty và phương án điều chỉnh khi thay đổi tổ chức Công ty ; trực tiếp thành lập và quản lý các đơn vị trực thuộc trong Công ty.

- 7- Toàn quyền tổ chức, điều hành phối hợp và kiểm tra các hoạt động của Công ty theo phương hướng và kế hoạch của HĐQT đề ra. Đề xuất với HĐQT cách giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch, chương trình .
- 8- Thay mặt HĐQT ký kết các hợp đồng kinh tế của Công ty; quản lý toàn bộ tài sản của Công ty;
- 9- Đề nghị HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc Công ty. Phân công và ủy nhiệm Phó G Đ phụ trách từng lĩnh vực hoạt động.
- 10-Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật tất cả các chức danh từ Trưởng phó các Phòng, Ban, Trưởng các đơn vị trực thuộc trở xuống của Công ty để giải quyết công việc theo sự phân công của Giám đốc;
- 11-Đề trình HĐQT các phương án huy động vốn (dưới mọi hình thức) cho Công ty và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện khi phương án đã được phê duyệt.
- 12-Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên với HĐQT. Xây dựng các báo cáo hoạt động quý, 6 tháng và hàng năm và các báo cáo tài chính; bảng cân đối tài sản toàn Công ty để trình HĐQT phê duyệt. Bản báo cáo tài chính tổng hợp hàng quý phải được Kiểm Soát Viên thẩm tra. Riêng bản báo cáo tài chính tổng hợp hàng năm phải có thêm một Công ty kiểm toán độc lập thẩm tra.
- 13-Chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước và lập phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận còn lại của Công ty để trình HĐQT phê duyệt.
- 14-Xây dựng các qui chế lao động, qui chế tiền lương,khen thưởng và kỷ luật áp dụng trong toàn Công ty để trình HĐQT phê duyệt thực hiện.
- 15-Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác do HĐQT ủy nhiệm.
- 16-Chuẩn bị đầy đủ các báo cáo để trình trước HĐQT theo chương trình, nghị sự do Chủ tịch HĐQT hoặc do Kiểm soát viên yêu cầu .
- 17-Đề nghị HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn Giám đốc hoặc những biến động lớn trong Công ty.
- 18-Được đưa ra các quyết định vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (như thiên tai, địch họa, hỏa hạn, sự cố) và chịu trách

nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay cho HĐQT và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết tiếp.

19- Chấp hành luật pháp trong mọi hoạt động;

20- Được quyền từ chối các quyết định của Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT nếu thấy trái pháp luật, trái qui định của Nhà nước và điều lệ công ty, đồng thời thông báo ngay cho Kiểm soát viên.

Điều 32: Ban Kiểm Soát

1. Đại hội đồng cổ đông bầu ra một Ban Kiểm Soát gồm có 3 Kiểm Soát Viên (KSV) .
2. Tiêu chuẩn cử người làm Kiểm Soát viên:
 - a) KSV phải có bằng cấp chuyên môn hoặc ít nhất cũng phải có hiểu biết về tài chính kế toán.
 - b) KSV là người không có tiền án, tiền sự về các tội danh có liên quan đến các hoạt động kinh tế.
 - c) KSV nhất thiết phải là các cổ đông của Công ty, nhưng không thể đồng thời là thành viên HĐQT, Ban Giám đốc Công ty; cũng không thể là vợ, chồng hoặc người thân thuộc trực hệ ba đời của các thành viên nêu trên.
 - d) KSV là người không giữ bất cứ chức vụ nào trong Công ty.
3. Nhiệm kỳ của Kiểm Soát Viên là 3 năm, cùng nhiệm kỳ với HĐQT. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới được quyền bãi miễn KSV. Kiểm soát viên có thể được bầu lại, khi Đại hội đồng cổ đông xét thấy cần thiết.
4. Kiểm soát viên muốn từ nhiệm phải gửi đơn đến HĐQT công ty cổ phần XÂY LẮP ĐIỆN để trình đại hội cổ đông gần nhất.
5. Cổ đông pháp nhân muốn thay thế người đại diện hoặc người được ủy quyền cho mình để giữ chức Kiểm soát viên thì phải có văn bản gửi đến HĐQT yêu cầu xem xét.
6. KSV được hưởng thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm của mình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ gây thiệt hại cho Công ty.
7. Mọi chi phí hoạt động của KSV được hạch toán vào quản lý phí Công ty.

Điều 33 : Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm Soát Viên

Sau đại hội cổ đông đầu tiên, Kiểm soát viên tiến hành việc kiểm soát đối với quá trình triển khai và hoàn tất thủ tục thành lập công ty cho đến khi được thành lập chính thức.

Kiểm soát viên được quyền hành xử nhiệm vụ, quyền hạn kiểm tra việc thực hiện các quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông. theo qui định sau đây:

- 1) Kiểm tra, giám sát toàn bộ các hoạt động trong nội bộ Công ty, bao gồm hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, các bộ phận chức năng của Công ty. Có quyền xem xét hồ sơ tài liệu, các báo cáo tài chính, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản.... Có quyền yêu cầu các cá nhân và các cấp quản lý nêu trên trả lời về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, bất cứ khi nào xét thấy cần thiết.
- 2) Hằng năm trình Đại hội đồng cổ đông một bản thẩm tra các báo cáo tài chính tổng kết năm của Công ty; về những sự kiện tài chính bất thường xảy ra trong Công ty; về những sự kiện khác có thể tác động xấu đến quyền và lợi ích của Công ty - đồng thời nêu ra những nhận xét các ưu khuyết điểm trong việc quản lý tài chính của Ban Giám đốc và HĐQT;
- 3) Kiểm soát viên được mời tham gia những phiên họp của HĐQT để theo dõi các hoạt động và báo cáo kết quả giám sát, kiểm tra, đề xuất các kiến nghị tăng cường, hoàn thiện quản lý các mặt hoạt động của Công ty theo Điều lệ và pháp luật. KSV có quyền phát biểu ý kiến, chất vấn trong các phiên họp, nhưng không được biểu quyết.
- 4) Bất kỳ lúc nào, khi xét thấy cần thiết, KSV có quyền yêu cầu Giám đốc Công ty báo cáo về tình hình tài chính của Công ty, có quyền chất vấn Giám đốc Công ty về những dấu hiệu bất thường trong hoạt động của Công ty.
- 5) Kiểm soát viên có quyền yêu cầu triệu tập HĐQT họp phiên bất thường để báo cáo các vấn đề khẩn cấp. Nếu Chủ tịch HĐQT không triệu tập, Kiểm soát viên có quyền triệu tập HĐQT họp phiên bất thường này. Trong trường hợp phiên họp HĐQT này không đủ túc số, Kiểm soát viên có quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường nếu xét thấy cần thiết;
- 6) Trong trường hợp báo cáo của Kiểm soát viên và báo cáo giải trình của Ban Giám đốc, HĐQT có mâu thuẫn nhau mà không thể đi đến kết luận, Kiểm soát viên có quyền mời một Công ty Kiểm Toán Độc Lập đến kiểm toán Công ty để có một kết luận khách quan trình Đại

hội đồng cổ đông. Toàn bộ chi phí kiểm toán sẽ do chi phí điều hành Công ty đài thọ.

- 7) Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật và/hoặc trước Đại hội đồng cổ đông :
 - a) Nếu cố ý bỏ qua hoặc bao che cho những hành vi phạm pháp đã phát hiện.
 - B) Nếu tiết lộ những bí mật về các hoạt động của Công ty khi chưa tham khảo ý kiến của HĐQT hoặc có yêu cầu của HĐQT không được tiết lộ.

CHƯƠNG V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Điều 34: Chế độ tài chính

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự quản về tài chính, tự cân đối các khoản thu chi, có trách nhiệm bảo toàn và làm sinh lợi các nguồn vốn của Công ty.
2. Trách nhiệm vật chất của Công ty trong các mối quan hệ kinh tế cũng như quan hệ dân sự được giới hạn ở mức vốn điều lệ của Công ty công bố mỗi khi có sự thay đổi.
3. Công ty phải tuân thủ mọi chế độ kế toán, thống kê và lập sổ sách, báo biểu theo đúng luật định hiện hành.
4. Niên khóa tài chính-kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01-01 và kết thúc ngày 31-12 dương lịch hàng năm. Niên khóa đầu tiên bắt đầu từ ngày được chính thức thành lập và kết thúc vào ngày 31-12 năm đó.
5. Cuối mỗi niên khóa, HĐQT xem xét, thông qua các bản tổng kết để trình Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Các báo cáo tài chính : bản kiểm kê tài sản; bảng cân đối tài sản; báo cáo lãi-lỗ....và các bảng giải trình, phân tích tình hình tài chính công ty.
 - b) Báo cáo thẩm tra của Kiểm Soát Viên về các báo cáo tài chính
 - c) Thư xác nhận của một Công ty Kiểm Toán Độc Lập về tài chính của Công ty.
6. Các bản tổng kết này phải được gửi đến thành viên HĐQT và KSV trước ít nhất **15 ngày** để được xem xét. Sau đó, các bản tổng kết này cùng các báo cáo của HĐQT và Giám Đốc phải được gửi đến các cổ đông hoặc

những người có tư cách đại diện cổ đông ít nhất 7 ngày trước ngày nhóm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

7. Tất cả các văn bản, chứng từ có liên quan đến tài chính phải được lưu tại Văn phòng Công ty trong 03 năm liền để các cổ đông xem xét khi cần thiết.

Điều 35 : Cách bù lỗ

Trong trường hợp Công ty bị thua lỗ, Đại Hội đồng cổ đông có thể giải quyết theo 1 trong 2 phương án sau đây:

- a) Trích từ Quỹ dự trữ để bù lỗ
- b) Chuyển toàn bộ hoặc một phần số lỗ sang những năm sau, nếu được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Đồng thời, HĐQT phải trình Đại Hội đồng cổ đông quyết định các biện pháp khả thi để khôi phục hoạt động của Công ty sao cho có hiệu quả.

Điều 36: Đối tượng và những nguyên tắc đầu tư

Công ty phải tập trung các nguồn vốn có khả năng huy động được để đầu tư vào các đối tượng và theo những nguyên tắc sau đây :

1. Đầu tư tập trung vào các dự án phát triển ngành chính và một số ngành bổ sung, hỗ trợ cho ngành chính theo mục tiêu hoạt động đã đăng ký kinh doanh.
2. Công ty được đầu tư tạm thời vào các loại chứng khoán để tránh bất động vốn, nhưng chỉ trong phạm vi 20% tổng tài sản của Công ty. Các khoản đầu tư chứng khoán này không bao gồm các cổ phần chi phối của Công ty trong những doanh nghiệp khác do thực hiện chiến lược mở rộng hệ thống kinh doanh của Công ty.

Điều 37 : Phân cấp quyền hạn tài chính

Trong các hoạt động sử dụng vốn: đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp, mua sắm tài sản, ký kết hợp đồng kinh doanh, quan hệ tín dụng (vay, cho vay - mua, bán hàng chậm trả, thuê tài chính...) giữa Công ty với những đối tác bên ngoài Công ty phải tuân theo nguyên tắc phân cấp quyền hạn sau đây :

Quy mô sử dụng vốn	Thẩm quyền quyết định
• Dưới 20% vốn điều lệ	: Do Giám đốc Công ty tự cân nhắc và quyết định.
• Từ 20% đến dưới 40% VDL	: Do Chủ tịch HĐQT Công ty quyết định.
• Từ 40% đến dưới 70% VDL	: Phải có sự phê duyệt của tập thể HĐQT Công ty
• Từ 70% VDL trở lên	: Phải có quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông

Điều 38: Thu nhập ròng của Công ty

1. Thu nhập ròng của Công ty bao gồm lợi nhuận ròng và các khoản thu nhập khác sau khi trừ các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo pháp luật hiện hành.
2. Lợi nhuận ròng thực hiện của Công ty là phần doanh thu của Công ty trừ các khoản chi phí và các loại thuế phải nộp.
3. Doanh thu bao gồm các khoản thu từ các lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và cung cấp dịch vụ trong toàn bộ hoạt động của Công ty.
4. Các khoản thu nhập khác bao gồm toàn bộ các loại thu nhập phát sinh ngoài doanh thu nhưng vẫn thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty, như tiền lời được chia từ các hoạt động liên doanh, liên kết - từ những hoạt động góp vốn đầu tư trực tiếp vào các doanh nghiệp khác - hoặc từ những hoạt động đầu tư gián tiếp vào các loại chứng khoán -
5. Các khoản chi phí bao gồm những chi phí hợp lý và hợp lệ phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.
6. Các khoản nộp ngân sách Nhà nước bao gồm các khoản thuế theo luật định và các khoản nộp khác theo quy định của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 39 : Phân phối lợi nhuận, lập quỹ

1. Tổng thu nhập ròng sau thuế vào cuối niên khóa đều thuộc quyền sở hữu của cổ đông và do các cổ đông quyết định phân chia tại Đại hội đồng cổ đông như sau:

Mức trích (% thu nhập ròng sau thuế):	Đối tượng được trích
• 5%	: Để lập Quỹ dự trữ bắt buộc cho đến khi : bằng 10% vốn điều lệ của Công ty;
• <u>15% đến 45%</u>	: Để lập Quỹ tích lũy tái đầu tư
• <u>5% đến 10%</u>	: Để lập Quỹ nghiên cứu-phát triển và đào tạo.
• <u>5% đến 10%</u>	: Để lập Quỹ khen thưởng - phúc lợi.
• Số còn lại từ <u>30%</u> đến <u>70%</u>	là cổ tức được chia cho các cổ đông theo số cổ phần.

2. Tùy thuộc tình hình kinh doanh cho phép, HĐQT có thể ứng trước cổ tức cho các cổ đông 3 tháng hay 6 tháng một lần, nhưng mức ứng trước tối đa là 60% thu nhập ròng sau thuế tạm tính. Đến cuối niên

khóa, HĐQT phải chuẩn bị các phương án phân phối thu nhập ròng sau thuế, dự thảo quyết toán cổ tức để trình Đại hội đồng cổ đông.

3. Những cổ tức nếu chưa được cổ đông đến nhận lãnh sau một (01) năm kể từ ngày chi trả, HĐQT có thể sử dụng tạm thời vào các hoạt động kinh doanh vì lợi ích của Công ty cho đến khi được nhận. Sau hai (02) năm kể từ ngày chi trả, và sau khi cáo thị ghi rõ tên, số cổ tức của cổ đông được công bố trên ít nhất một nhật báo tiếng Việt xuất bản tại VN, toàn bộ số cổ tức không được nhận lãnh sẽ sung vào quỹ dự trữ của Công ty.

Điều 40 : Các Quỹ của Công ty

Công ty được thành lập và sử dụng các **Quỹ** tập trung theo luật định và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, để bảo đảm cho quá trình phát triển của toàn Công ty đạt hiệu quả cao, bao gồm :

1. **Quỹ dự trữ bắt buộc** : được trích lập theo điều **42** bản Điều lệ này để dự phòng bù đắp cho các rủi ro không thu hồi được vốn hoặc các trường hợp tổn thất bất khả kháng, gây thua lỗ cho Công ty ;
2. **Quỹ tích lũy tái đầu tư** : được lập từ nguồn vốn khấu hao cơ bản và trích lợi nhuận được giữ lại hàng năm theo điều **42** bản Điều lệ này.
3. **Quỹ nghiên cứu - phát triển và đào tạo tập trung** : được trích lập từ lợi nhuận được giữ lại hàng năm và từ các nguồn khác (nếu có) để tài trợ cho các chương trình đào tạo chuyên viên và nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật để phát triển, hiện đại hóa Công ty.
4. **Quỹ khen thưởng và phúc lợi** : được trích lập theo điều **42** của Điều lệ này để khen thưởng CB.CNV thuộc Công ty quản lý. Trong đó, tùy Đại Hội đồng cổ đông khi quyết định các phương án phân phối thu nhập, **phần khen thưởng dành cho** :
 - **Các sáng lập viên** chiếm từ **5% đến 10%**
 - **Các thành viên HĐQT và Kiểm Soát viên** chiếm từ **5% đến 10%**
5. Các quỹ sau đây không hình thành từ lợi nhuận:
 - a) -Quỹ khấu hao tài sản cố định.
 - b) -Quỹ khấu hao sửa chữa lớn.
 - c) -Các quỹ khác theo quy định của pháp luật

Điều 41: Kiểm toán viên từ bên ngoài

1. Nếu có yêu cầu của Đại Hội đồng cổ đông, hoặc của HĐQT, hoặc của Kiểm Soát viên, Công ty có thể mời một Công ty Kiểm Toán Độc Lập với các chức năng hoạt động theo luật định để tiến hành kiểm toán

từng phần hoặc toàn phần hoạt động của Công ty, tùy theo yêu cầu cụ thể của vụ việc cần kiểm toán. Phí tổn kiểm toán do Công ty đài thọ.

2. Nếu một cổ đông bất kỳ nào muốn mời một Công ty Kiểm Toán Độc Lập khác để tiến hành kiểm toán phúc tra các kết quả kiểm toán nêu ở mục (1) nói trên, cổ đông này được quyền mời và tự đài thọ phí kiểm toán. Công ty có trách nhiệm hợp tác bằng cách cho phép Công ty Kiểm Toán Độc Lập này tham khảo sổ sách và các tài liệu cần thiết.

CHƯƠNG VI

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU VÀ TRÁI PHIẾU

Điều 42 : Phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu

Công ty có thể tăng vốn bằng cách phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu. Việc tăng vốn bằng hình thức phát hành cổ phiếu khi được chấp thuận sẽ thể hiện bằng những cổ phần mới mà số lượng tỷ lệ với số lượng cổ phần hiện hữu trừ khi có thỏa thuận khác của tất cả các thành viên của công ty ghi nhận bằng văn bản được các cơ quan có thẩm quyền chấp nhận.

Điều 43 : Cổ phần chưa phát hành

Cổ phần chưa phát hành chỉ được phát hành khi tuân theo các qui định sau đây, trừ khi tất cả các Quản trị viên công ty thỏa thuận khác đi và được ghi nhận bằng văn bản:

1. Số lượng cổ phần mới của mỗi đợt phát hành tỷ lệ với số cổ phần hiện hữu.
2. Cổ phần phải phát hành cùng một mệnh giá, cùng thời hạn thanh toán, hạng loại chia lãi cũng như về các mặt khác.
3. Tuân thủ các điều kiện do cơ quan nhà nước có thẩm quyền qui định.

CHƯƠNG VII

GIẢI THỂ, THANH LÝ

Điều 44 : Giải thể

Công ty có thể được giải thể trong các trường hợp sau đây:

1. Mọi cổ đông đều có quyền yêu cầu HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để xem xét và quyết định việc giải thể Công ty trong các trường hợp:
 - a) Công ty bị lỗ đến 3/4 vốn điều lệ và/hoặc đang gặp khó khăn không thể vượt qua;
 - b) Mục tiêu hoạt động của Công ty không thể thực hiện được nữa hoặc không có lợi.
2. Khi hoàn thành mục tiêu đã định hoặc khi kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông bất thường sẽ quyết định giải thể hay gia hạn hoạt động.
3. Trong các trường hợp khác với những lý do chính đáng, khi có yêu cầu của nhóm cổ đông đại diện 2/3 vốn điều lệ, HĐQT có quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để quyết định có nên giải thể công ty hay không.
4. Khi có phán quyết của Tòa án tuyên bố Công ty bị phá sản hoặc bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.
5. Công ty chỉ bị giải thể - trong bất kỳ trường hợp nào, trừ trường hợp thứ tư nêu trên - đều phải có sự nhất trí của nhóm cổ đông đại diện cho ít nhất 3/4 số vốn điều lệ của Công ty. Việc giải thể Công ty phải được tiến hành đúng theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 45: Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Đại hội đồng cổ đông cử một hay nhiều thanh lý viên để thay thế HĐQT; các thanh lý viên sẽ cùng với KSV tiến hành thanh lý Công ty theo thời gian quy định và thể lệ tài chính hiện hành.
2. Trong thời gian thanh lý, thanh lý viên và KSV có quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết.
3. Tất cả các tài sản còn lại của Công ty sau khi đã thanh toán các khoản nợ và chi phí sẽ được chia cho các cổ đông theo số cổ phần.
4. Công ty sẽ không còn tư cách pháp nhân sau khi đơn xin giải thể được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và việc thanh lý tài sản của Công ty đã hoàn tất.

Điều 46: Tranh tụng

1. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong giai đoạn thanh lý, mọi tranh tụng liên quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền của các cơ quan Nhà nước có chức năng giải quyết theo quy định hiện hành.

2. Mọi cổ đông đều có quyền đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ cá nhân nào gây ra cho Công ty. Nếu HĐQT bỏ qua yêu cầu này thì các cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước các cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VIII

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 47 : Xử lý vi phạm đối với giám đốc

Trong quá trình điều hành kinh doanh, nếu thực hiện các nghị quyết, các chỉ tiêu của HĐQT và Đại hội cổ đông , ra các quyết định sai làm ảnh hưởng đến quyền lợi công ty, gây thiệt hại về tài sản... tùy theo mức độ, giám đốc bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo qui định của pháp luật, đồng thời phải chịu trách nhiệm vật chất tương ứng. HĐQT có trách nhiệm xem xét mức độ vi phạm và quyết định mức kỷ luật và trách nhiệm bồi hoàn vật chất đối với giám đốc trong vi phạm xử lý hành chính.

Điều 48 : Xử lý vi phạm đối với Kiểm soát viên

KSV trong quá trình làm việc, nếu thiếu trách nhiệm không phát hiện được hoặc không kịp thời phát hiện và ngăn chặn những vi phạm tài chính hoặc thông đồng với những vi phạm, thì tùy theo mức độ vi phạm cá nhân hay tập thể, KSV bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo qui định của pháp luật, đồng thời phải chịu trách nhiệm vật chất tương ứng. Đại hội cổ đông sẽ qui định mức kỷ luật và mức bồi thường vật chất của KSV.

Điều 49 : Xử lý vi phạm đối với HĐQT

Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trong quá trình quản lý công ty, nếu có quyết định sai hoặc không kịp thời ngăn chặn vi phạm của Giám đốc ảnh hưởng đến lợi ích của công ty, HĐQT hoặc cá nhân chịu trách nhiệm hoặc liên đới chịu trách nhiệm vì những vi phạm đó. Tùy theo mức độ Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo qui định của pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm về vật chất tương ứng. Đại hội cổ đông quyết định mức kỷ luật và bồi thường vật chất của các nhân hoặc tập thể HĐQT trong phạm vi xử lý hành chính

CHƯƠNG IX

HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 50: Thông báo

1. Mọi thông báo hoặc tài liệu khác phải được phát hành và chuyển cho cổ đông sẽ do công ty gửi trực tiếp đến từng cá nhân hoặc gửi qua bưu điện có dán tem đến địa chỉ cổ đông đăng ký. Cổ đông phải thông báo bằng văn bản chính thức cho công ty biết khi thay đổi địa chỉ chính thức của mình.
2. Mọi thông báo gửi qua bưu điện được xem là gửi đến địa chỉ đăng ký của cổ đông một tuần lễ sau ngày gửi. Khi chứng minh điều này chỉ cần có đủ bằng chứng rằng bản thông báo đã có dán tem và gửi đi đúng địa chỉ.
3. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho công ty hoặc viên chức của công ty có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ văn phòng do công ty đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên công ty hay viên chức nhận.
4. Các thông báo mà luật pháp bắt buộc phải bố cáo sẽ đăng ký ít nhất trên một nhật báo tiếng Việt lưu hành ở Việt Nam.

Điều 51: Điều khoản thi hành

Công ty được chính thức thành lập sau khi Đại hội đồng thành lập đã hoàn tất các thủ tục như sau:

1. Xác nhận danh sách cổ đông đã mua hết các cổ phiếu phát hành và đã đóng đủ tiền theo Điều lệ và theo quy định của Nhà nước;
2. Đã bầu HĐQT, KSV ; đã ấn định tiền thù lao cho họ trong niên khóa đầu và họ đã chấp nhận nhiệm vụ;
3. Đại hội đồng thành lập đã thảo luận và chấp thuận toàn bộ Điều lệ Công ty;
4. Giao quyền điều khiển Công ty cho HĐQT;
5. Hoàn thành các thủ tục với các cơ quan Nhà nước theo luật định hiện hành, được UBND TP cấp giấy phép hoạt động và đã đăng ký kinh doanh tại cơ quan có thẩm quyền.

Điều 52: Sửa đổi Điều lệ

Trong quá trình hoạt động của Công ty, nếu có những điều khoản nào trong điều lệ này không còn phù hợp với tình hình mới, Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường sẽ xem xét sửa đổi bổ sung cho

thích hợp và sau đó đăng ký lại bản Điều lệ sửa đổi tại Phòng Công chứng nhà nước TP. HCM.

Điều 53 : Đăng ký Điều lệ

1. Bản Điều lệ này có 07 chương, 46 điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập chấp thuận toàn bộ và thông qua ngày 25 tháng 11 năm 1996 và được lập thành 10 bản có giá trị như nhau:
 - 01 bản nộp tại Phòng Công chứng nhà nước TP. HCM.
 - 07 bản đăng ký tại các cơ quan công quyền theo quy định của UBND TP.HCM
 - 02 bản lưu trữ tại văn phòng Công ty.
2. Các bản trích lục hay bản sao Điều lệ phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT mới có giá trị.

Toàn thể các cổ đông và các thành viên có trách nhiệm nhận thực các cam kết, các thỏa thuận trong những điều khoản của bản Điều lệ này đã đọc, hiểu rõ nội dung toàn văn Điều lệ và đồng ý phê chuẩn, cùng ký tên dưới đây.

Làm tại TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 1998

CHỦ TỌA ĐOÀN ĐẠI HỘI ĐỒNG THÀNH LẬP CÔNG TY

(Cùng ký tên)